

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học chính quy khóa 48 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1646/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-TDTTHCM ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-TDTTHCM ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy khóa 48 năm 2025;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy năm 2025 của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-TDTTHCM ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận điểm trúng tuyển đại học chính quy khóa 48 năm 2025;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy khóa 48 năm 2025;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy khóa 48 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 1423 thí sinh trúng tuyển đại học chính quy khóa 48 năm 2025 theo các phương thức xét tuyển (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển làm thủ tục nhập học đúng thời gian quy định trong Giấy báo trúng tuyển của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.



Điều 3. Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy khóa 48 năm 2025; Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế; các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Vụ GDĐH - Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Vụ KHCN,ĐT&MT - Bộ VH,TT&DL (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử của Trường (để thông báo);
- Lưu: VT, ĐH, TH(20).

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG
TS. Võ Quốc Thắng**



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 48 NĂM 2025 THEO CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

(Kèm theo Quyết định số: 296/QĐ-TDTHHCM ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1	2552060001	TDS.01.0129	NGUYỄN NGỌC PHÚ ÂN	26/04/2006	Nam		2NT	406	GDTC	T06	Toán	7.0	Địa lí	9.3	20	0.25	36.55	1
2	2552060002	TDS.01.0529	HÀ TẤN ĐẠT	27/11/2001	Nam		3	406	GDTC	T00	Toán	9.2	Sinh học	9.1	18	0.00	36.30	1
3	2552060003	TDS.01.0369	TRẦN NGUYỄN KHÁNH DU	24/11/2007	Nữ		2NT	406	GDTC	T06	Toán	7.8	Địa lí	7.8	19.5	0.31	35.41	1
4	2552060004	TDS.01.0756	NGUYỄN NHẬT HẢO	05/01/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.7	18	0.26	35.36	1
5	2552060005	TDS.01.0814	ĐIỀU NGUYỄN KIM HI	03/05/2007	Nam	01	1	406	GDTC	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.5	18	1.61	36.21	1
6	2552060006	TDS.01.0849	NGUYỄN DANH MINH HIẾU	01/04/2007	Nam		1	406	GDTC	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.8	19	0.35	36.35	1
7	2552060007	TDS.01.0868	LÂM KIM HOA	06/12/2007	Nữ		2NT	406	GDTC	T00	Toán	8.3	Sinh học	9.0	18.5	0.23	36.03	1
8	2552060008	TDS.01.0883	NGUYỄN QUỐC HÒA	10/12/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.9	20	0.31	35.61	1
9	2552060009	TDS.01.0899	ĐOÀN VĂN HOÀNG	06/05/2007	Nam		3	406	GDTC	T06	Toán	7.7	Địa lí	9.5	18.5	0.00	35.70	1
10	2552060010	TDS.01.1123	BÙI NGUYỄN GIA HÙNG	08/07/2006	Nam		2NT	406	GDTC	T04	Toán	6.9	Vật lí	9.2	19.5	0.28	35.88	1
11	2552060011	TDS.01.1002	HUỖNH DƯƠNG NHẬT HUY	25/02/2007	Nam		1	406	GDTC	T04	Toán	9.3	Vật lí	9.5	17.5	0.25	36.55	1
12	2552060012	TDS.01.1282	HUỖNH TRIỀU KHANG	21/08/2007	Nam	01	1	406	GDTC	T06	Toán	7.4	Địa lí	9.7	19	1.25	37.35	1
13	2552060013	TDS.01.1314	NGUYỄN TUẤN KHANG	16/02/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T06	Toán	9.0	Địa lí	9.1	18	0.19	36.29	1
14	2552060014	TDS.01.1462	NGUYỄN GIA KHÔI	06/10/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T04	Toán	8.8	Vật lí	8.9	18	0.22	35.92	1
15	2552060015	TDS.01.1526	LÊ TIẾN LÊN	07/11/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T00	Toán	9.3	Sinh học	9.4	19	0.12	37.82	1
16	2552060016	TDS.01.1618	NGUYỄN TẤN LỘC	17/07/2007	Nam		2	406	GDTC	T00	Toán	8.6	Sinh học	8.5	18.5	0.12	35.72	1
17	2552060017	TDS.01.1815	DƯƠNG ÁNH NGÂN	29/10/2006	Nữ		1	406	GDTC	T06	Toán	9.2	Địa lí	8.7	20	0.21	38.11	1
18	2552060018	TDS.01.1887	PHÙNG KIM NGỌC	05/12/2006	Nữ	06a	3	406	GDTC	T06	Toán	9.6	Địa lí	9.8	19	0.15	38.55	1
19	2552060019	TDS.01.1932	HOÀNG PHÙNG NGUYỄN	31/08/2007	Nam	01	1	406	GDTC	T04	Toán	7.6	Vật lí	7.2	19.5	2.00	36.30	1
20	2552060020	TDS.01.1982	VŨ THÀNH NHÂN	18/11/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.0	19.5	0.26	36.06	1
21	2552060021	TDS.01.2040	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	13/02/2007	Nữ		2NT	406	GDTC	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.2	20	0.17	37.57	1
22	2552060022	TDS.01.1805	THÂN THỊ NHI NỮ	10/09/2007	Nữ		2	406	GDTC	T04	Toán	8.9	Vật lí	8.9	18	0.11	35.91	1
23	2552060023	TDS.01.2267	TRẦN THANH PHÚC	08/01/2007	Nam		2	406	GDTC	T00	Toán	8.5	Sinh học	7.9	19.5	0.13	36.03	1
24	2552060024	TDS.01.2273	TRẦN HỮU PHỤNG	16/08/2006	Nam		2NT	406	GDTC	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.8	20	0.25	36.45	1
25	2552060025	TDS.01.2292	LA ĐẶNG TRÚC PHƯƠNG	06/12/2005	Nữ		2NT	406	GDTC	T06	Toán	8.4	Địa lí	9.9	19.5	0.13	37.93	1
26	2552060026	TDS.01.2299	NGUYỄN HUỖNH HÙNG PHƯƠNG	10/09/2007	Nữ		2	406	GDTC	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.1	18.5	0.12	35.82	1



ASZ

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
27	2552060027	TDS.01.2353	NGUYỄN HÀ NHẬT QUÂN	02/08/2007	Nam		1	406	GDTC	T04	Toán	8.7	Vật lí	9.6	18.5	0.25	37.05	1
28	2552060028	TDS.01.2425	TRƯƠNG TIỂU QUỲNH	17/12/2007	Nữ		3	406	GDTC	T04	Toán	8.7	Vật lí	9.3	19	0.00	37.00	1
29	2552060029	TDS.01.2557	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TÂM	09/09/2007	Nữ	01	1	406	GDTC	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.8	18	1.54	36.34	1
30	2552060030	TDS.01.2908	SƠN QUÁCH NGUYỄN THÂM	27/09/2007	Nam	01	1	406	GDTC	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.6	19	1.65	36.65	1
31	2552060031	TDS.01.2881	TRẦN THỊ NGỌC THẢO	19/11/2007	Nữ		1	406	GDTC	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.9	18	0.36	35.76	1
32	2552060032	TDS.01.2947	NGUYỄN THẾ THIÊN	07/08/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.6	19.5	0.26	36.16	1
33	2552060033	TDS.01.2958	ĐẶNG NGUYỄN PHÚ THỊNH	09/07/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T06	Toán	8.3	Địa lí	9.6	18	0.21	36.11	1
34	2552060034	TDS.01.3031	PHAN HIẾU THUẬN	26/09/2007	Nam	06a	3	406	GDTC	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.6	20	0.67	35.67	1
35	2552060035	TDS.01.3112	BÙI NGỌC TRÂM	24/11/2007	Nữ		3	406	GDTC	T06	Toán	8.8	Địa lí	9.2	20	0.00	38.00	1
36	2552060036	TDS.01.2745	PHẠM LƯƠNG QUANG TUẤN	03/02/2007	Nam		2	406	GDTC	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.4	18.5	0.13	35.53	1
37	2552060037	TDS.01.2771	ĐẶNG THỊ BÍCH TUYỀN	28/02/2006	Nữ		2	406	GDTC	T00	Toán	9.1	Sinh học	9.2	18	0.09	36.39	1
38	2552060038	TDS.01.3281	DƯƠNG CHÍ VĨ	22/07/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T00	Toán	9.0	Sinh học	9.4	18	0.17	36.57	1
39	2552060039	TDS.01.3296	LÊ TRẦN QUỐC VIỆT	08/03/2007	Nam		2NT	406	GDTC	T04	Toán	9.4	Vật lí	8.5	19	0.17	37.07	1
40	2552060040	TDS.01.3328	THẠCH QUANG VINH	28/03/2007	Nam	01	1	406	GDTC	T04	Toán	8.4	Vật lí	9.5	16	1.50	35.40	1
41	2553020001	TDS.01.0001	BÙI THÁI AN	18/09/2007	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.5	14	0.00	29.70	3
42	2553020002	TDS.01.0002	DANH TRƯỜNG AN	28/09/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	7.6	11	2.75	29.25	2
43	2553020003	TDS.01.0005	HUỶNH VĂN AN	21/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.2	12	0.50	28.00	2
44	2553020004	TDS.01.0006	LÊ CHÂU HOÀNG AN	05/07/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	5.1	Địa lí	7.4	16	0.75	29.25	5
45	2553020005	TDS.01.0012	MAI TRẦN PHƯỚC AN	17/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.6	13.5	0.00	30.20	1
46	2553020006	TDS.01.0022	NGUYỄN NGỌC THIÊN AN	26/12/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	9.0	Địa lí	9.1	16.5	0.12	34.72	1
47	2553020007	TDS.01.0024	NGUYỄN THÀNH AN	01/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.8	Địa lí	7.5	15	0.50	28.80	1
48	2553020008	TDS.01.0025	NGUYỄN THÀNH AN	13/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	6.7	Ngữ Văn	7.3	16.5	0.25	30.75	1
49	2553020009	TDS.01.3510	NGUYỄN TRƯỜNG AN	05/11/2006	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.4	17.5	0.48	34.48	2
50	2553020010	TDS.01.0029	PHẠM HOÀI AN	11/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.5	15.5	0.67	31.77	1
51	2553020011	TDS.01.0031	PHAN HÀ AN	27/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.3	16.5	0.25	30.15	1
52	2553020012	TDS.01.0034	TRẦN TIẾN AN	19/07/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	5.9	Ngữ Văn	5.9	17	0.00	28.80	1
53	2553020013	TDS.01.0122	ĐÌNH HOÀNG ÂN	04/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.1	17.5	0.50	31.40	2
54	2553020014	TDS.01.0124	HỒ THIÊN ÂN	12/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.4	19	0.14	35.54	1
55	2553020015	TDS.01.3464	HỒ TƯỜNG ÂN	13/12/2004	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.0	19	0.00	33.80	1
56	2553020016	TDS.01.0125	LÊ NGUYỄN NHẬT ÂN	06/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.5	16	0.19	32.59	2
57	2553020017	TDS.01.0127	NGUYỄN HOÀNG ÂN	30/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	7.6	13.5	0.25	27.95	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
89	2553020049	TDS.01.0120	TRẦN THỊ HỒNG ÁNH	09/04/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.4	17.5	0.75	32.05	1
90	2553020050	TDS.01.0225	PHẠM KHÁNH BĂNG	17/05/2006	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.1	20	0.16	35.46	1
91	2553020051	TDS.01.0138	BÙI TRỊNH QUỐC BẢO	01/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.4	Ngữ Văn	6.7	18	0.50	30.60	2
92	2553020052	TDS.01.0141	ĐẶNG GIA BẢO	28/10/2005	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	7.6	10.5	0.25	25.55	1
93	2553020053	TDS.01.0145	HÀN THẾ BẢO	18/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.5	16	0.00	32.80	1
94	2553020054	TDS.01.0148	HOÀNG LÊ GIA BẢO	01/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.8	Sinh học	8.2	18.5	0.32	34.82	3
95	2553020055	TDS.01.0149	HOÀNG TRẦN THIÊN BẢO	21/04/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.0	Vật lí	7.7	16.5	0.71	31.91	3
96	2553020056	TDS.01.0161	LÊ QUỐC BẢO	24/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.6	Sinh học	9.1	10	0.24	27.94	1
97	2553020057	TDS.01.0163	NGÔ GIA BẢO	01/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.9	15	0.50	30.00	1
98	2553020058	TDS.01.3472	NGUYỄN CAO DUY BẢO	12/02/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	4.7	Sinh học	8.8	17	0.25	30.75	1
99	2553020059	TDS.01.0166	NGUYỄN ĐẶNG HUY BẢO	30/06/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	7.7	16	0.25	30.85	1
100	2553020060	TDS.01.0170	NGUYỄN GIA BẢO	26/03/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.7	10	0.00	25.50	1
101	2553020061	TDS.01.0171	NGUYỄN GIA BẢO	28/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.8	18	0.23	32.43	1
102	2553020062	TDS.01.0173	NGUYỄN GIA BẢO	30/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.5	18.5	0.32	34.72	1
103	2553020063	TDS.01.0174	NGUYỄN HOÀI BẢO	01/10/2004	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.0	Sinh học	7.6	16.5	0.00	30.10	2
104	2553020064	TDS.01.0175	NGUYỄN HOÀNG QUỐC BẢO	04/01/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.2	14	0.00	28.90	1
105	2553020065	TDS.01.0182	NGUYỄN TRẦN GIA BẢO	06/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	9.4	18	0.21	36.01	1
106	2553020066	TDS.01.0183	NGUYỄN TRỌNG GIA BẢO	21/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	7.3	15	0.24	30.64	3
107	2553020067	TDS.01.0184	NGUYỄN VIỆT BẢO	02/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	4.8	Ngữ Văn	5.2	17	0.50	27.50	1
108	2553020068	TDS.01.0191	PHẠM NGÔ GIA BẢO	02/10/2006	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.1	Vật lí	7.3	18	0.22	32.62	1
109	2553020069	TDS.01.0192	PHẠM QUANG THÁI BẢO	23/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.1	15.5	0.50	29.80	5
110	2553020070	TDS.01.0198	TỔNG NGÔ GIA BẢO	25/04/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	6.8	17.5	0.72	32.32	2
111	2553020071	TDS.01.0200	TRẦN ANH BẢO	14/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	8.9	Ngữ Văn	7.8	14	0.21	30.91	1
112	2553020072	TDS.01.0204	TRẦN GIA BẢO	18/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.7	15.5	0.36	32.76	2
113	2553020073	TDS.01.0208	TRẦN HỒ HOÀI BẢO	15/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.3	16	0.22	31.72	1
114	2553020074	TDS.01.0210	TRẦN LÊ ĐÌNH BẢO	03/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.5	14	0.42	31.12	2
115	2553020075	TDS.01.0213	TRẦN QUỐC BẢO	03/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	8.2	Ngữ Văn	8.3	15	0.60	32.10	3
116	2553020076	TDS.01.0214	TRẦN TUẤN BẢO	22/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.7	13	0.24	29.54	1
117	2553020077	TDS.01.0220	VÕ NGUYỄN VĂN BẢO	26/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	5.8	Sinh học	6.5	11	0.75	24.05	2
118	2553020078	TDS.01.0227	HUỶNH QUANG BI	10/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.5	16	0.50	30.80	2
119	2553020079	TDS.01.0228	NGUYỄN QUỐC BI	21/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.1	Ngữ Văn	7.0	16.5	0.50	30.10	1

18

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
120	2553020080	TDS.01.0230	TRẦN QUÍ BI	09/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.2	11.5	0.50	28.20	2
121	2553020081	TDS.01.0239	MẠC NGUYỄN BÌNH	18/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.2	Vật lí	7.4	16.5	0.50	30.60	1
122	2553020082	TDS.01.0242	NGUYỄN ĐẠI BÌNH	27/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.1	13	0.50	27.20	1
123	2553020083	TDS.01.0243	NGUYỄN QUỐC BÌNH	24/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	9.0	17.5	0.23	35.53	1
124	2553020084	TDS.01.0244	NGUYỄN THANH BÌNH	07/11/2007	Nam		2NT	405	HLTT	T01	Toán	6.5	Ngữ Văn	7.25	16	0.50	30.25	1
125	2553020085	TDS.01.3470	NGUYỄN THANH BÌNH	16/10/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	6.5	Ngữ Văn	6.9	20	0.00	33.40	1
126	2553020086	TDS.01.0246	NGUYỄN THỊ NHƯ BÌNH	08/12/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.6	14.5	0.23	30.53	2
127	2553020087	TDS.01.0249	PHẠM VÕ THANH BÌNH	09/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	6.2	Vật lí	7.4	12	0.00	25.60	1
128	2553020088	TDS.01.0254	TRẦN THANH BÌNH	26/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.1	15.5	0.42	31.92	2
129	2553020089	TDS.01.0258	NGUYỄN MINH CẢNH	16/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.0	18	0.39	33.59	1
130	2553020090	TDS.01.0289	NGUYỄN LÂM THIÊN CHẤN	12/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.1	Ngữ Văn	6.8	13	0.50	25.40	1
131	2553020091	TDS.01.0295	NGÔ NGỌC MINH CHÂU	16/05/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.3	Ngữ Văn	7.5	17.5	0.43	32.73	6
132	2553020092	TDS.01.0297	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	06/10/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	8.7	Địa lí	9.0	15	0.48	33.18	2
133	2553020093	TDS.01.0300	BÙI TRẦN LINH CHI	14/05/2007	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.0	19	0.00	33.00	2
134	2553020094	TDS.01.0304	KHA ĐÌNH CHÍ	22/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	8.2	15.5	0.42	31.82	1
135	2553020095	TDS.01.3483	BÙI VĂN CHIẾN	11/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.8	15	0.25	29.25	1
136	2553020096	TDS.01.0307	NGUYỄN MINH CHIẾN	22/07/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	7.8	20	0.00	35.90	1
137	2553020097	TDS.01.0312	TRẦN PHONG CHIẾN	17/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	9.0	Sinh học	8.5	15.5	0.16	33.16	1
138	2553020098	TDS.01.0315	HUỖNH CAO CHỌN	12/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.3	20	0.12	36.52	2
139	2553020099	TDS.01.0316	CAO CHUẨN	04/11/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	7.1	14	0.75	28.95	1
140	2553020100	TDS.01.0318	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	16/12/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	6.9	15	0.25	29.25	1
141	2553020101	TDS.01.0273	PHẠM DƯƠNG CƠ	14/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	5.5	Vật lí	7.2	12	0.25	24.95	1
142	2553020102	TDS.01.0263	HỒ HOÀNG CÔNG	07/02/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	8.0	16.5	0.23	31.73	2
143	2553020103	TDS.01.0269	NGUYỄN THÀNH CÔNG	25/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.2	16	0.50	30.40	1
144	2553020104	TDS.01.0276	VÕ LÊ KIM CƯỜNG	04/06/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.6	17	0.35	33.65	3
145	2553020105	TDS.01.0279	LÊ DUY CƯỜNG	30/11/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.3	11	0.25	25.95	1
146	2553020106	TDS.01.0283	PHẠM QUỐC CƯỜNG	09/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.0	Ngữ Văn	5.9	17.5	0.49	31.89	1
147	2553020107	TDS.01.0284	TÔ HÙNG CƯỜNG	26/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	8.9	20	0.17	35.17	1
148	2553020108	TDS.01.0286	TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG	29/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.2	11	0.75	25.75	1
149	2553020109	TDS.01.0287	VÕ QUỐC CƯỜNG	16/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	5.6	Sinh học	8.1	10	0.25	23.95	4
150	2553020110	TDS.01.0505	PHẠM CÔNG ĐẠI	13/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.8	17	0.18	33.38	2

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
151	2553020111	TDS.01.0506	TOU NEH RIA DZA NA ĐẠI	19/07/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T00	Toán	5.3	Sinh học	6.7	17.5	2.75	32.25	1
152	2553020112	TDS.01.0508	TRẦN QUANG ĐẠI	29/12/2006	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	7.9	16	0.61	32.51	1
153	2553020113	TDS.01.0348	NGUYỄN HUỖNH DÂN	22/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.0	Sinh học	7.7	17	0.25	30.95	2
154	2553020114	TDS.01.0510	NGUYỄN LINH ĐAN	28/05/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.1	18	0.56	33.96	1
155	2553020115	TDS.01.0600	HUỖNH NHẬT ĐĂNG	01/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	9.0	Sinh học	9.0	17	0.23	35.23	3
156	2553020116	TDS.01.0602	LÊ NHỰT ĐĂNG	10/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	7.8	Ngữ Văn	6.5	19	0.62	33.92	1
157	2553020117	TDS.01.0606	NGUYỄN NGỌC HẢI ĐĂNG	29/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.9	Vật lí	7.5	20	0.31	35.71	4
158	2553020118	TDS.01.0609	TÔ NHỰT ĐĂNG	17/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.1	12	0.50	27.70	1
159	2553020119	TDS.01.0612	TRẦN HẢI ĐĂNG	20/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	8.3	Ngữ Văn	7.8	10	0.00	26.10	1
160	2553020120	TDS.01.0328	ĐOÀN XUÂN DANH	14/10/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	8.9	18.5	0.00	35.10	1
161	2553020121	TDS.01.0331	LÊ THÀNH DANH	19/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.1	Vật lí	7.4	19.5	0.45	33.45	1
162	2553020122	TDS.01.0332	LÊ THÀNH DANH	20/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.8	Địa lí	6.5	14.5	0.50	27.30	1
163	2553020123	TDS.01.0335	NGUYỄN CÔNG DANH	09/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.3	Sinh học	9.1	18	0.31	34.71	1
164	2553020124	TDS.01.0340	NGUYỄN VÕ DUY DANH	04/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	7.6	15	0.50	30.50	2
165	2553020125	TDS.01.0344	TRẦN THÀNH DANH	20/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.6	Ngữ Văn	8.1	11.5	0.50	27.70	2
166	2553020126	TDS.01.0518	CÔNG GIA ĐẠT	03/04/2007	Nam	06a	2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.2	Vật lí	6.7	10	1.50	24.40	1
167	2553020127	TDS.01.0525	ĐINH HOÀNG ĐẠT	10/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	8.7	16	0.41	32.31	2
168	2553020128	TDS.01.3476	ĐOÀN CÔNG ĐẠT	06/09/2002	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	5.2	Sinh học	8.6	18	0.24	32.04	1
169	2553020129	TDS.01.0521	DƯƠNG TIẾN ĐẠT	23/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.7	14	0.48	30.28	1
170	2553020130	TDS.01.0531	HOÀNG TUẤN ĐẠT	22/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.7	18	0.20	33.30	2
171	2553020131	TDS.01.0532	HUỖNH QUỐC ĐẠT	06/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	9.0	18	0.13	35.13	2
172	2553020132	TDS.01.3436	HUỖNH TẤN ĐẠT	27/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.3	Địa lí	6.0	16	0.25	27.55	1
173	2553020133	TDS.01.0533	HUỖNH TIẾN ĐẠT	31/07/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.0	Sinh học	7.1	16	0.50	28.60	1
174	2553020134	TDS.01.0536	LÊ HOÀNG ĐẠT	12/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	7.3	19	0.41	33.71	1
175	2553020135	TDS.01.0539	LÊ TUẤN ĐẠT	23/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.5	16	0.20	32.20	1
176	2553020136	TDS.01.0546	NGÔ THÀNH ĐẠT	21/09/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	8.2	17	0.25	30.45	2
177	2553020137	TDS.01.0549	NGUYỄN HỮU ĐẠT	28/12/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	7.7	11	0.25	26.95	1
178	2553020138	TDS.01.0548	NGUYỄN HUỖNH ĐẠT	09/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.6	Ngữ Văn	8.9	13	0.40	30.90	2
179	2553020139	TDS.01.0554	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	04/06/2001	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.1	18.5	0.00	34.00	1
180	2553020140	TDS.01.0556	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	19/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	9.1	Vật lí	8.9	15	0.30	33.30	1
181	2553020141	TDS.01.0557	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	19/07/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	8.4	15	0.66	31.56	1



182

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
182	2553020142	TDS.01.0559	NGUYỄN TẤN ĐẠT	17/03/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.2	Sinh học	8.7	17.5	0.21	32.61	1
183	2553020143	TDS.01.0561	NGUYỄN TẤN ĐẠT	30/12/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.4	10.5	0.50	26.60	1
184	2553020144	TDS.01.0564	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	03/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.6	Vật lí	8.9	20	0.30	35.80	3
185	2553020145	TDS.01.0567	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	14/09/2003	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	5.0	Sinh học	7.9	19	0.00	31.90	1
186	2553020146	TDS.01.0568	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	15/07/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	7.6	10.5	0.00	25.80	2
187	2553020147	TDS.01.0571	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	28/08/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.2	17	0.37	33.27	2
188	2553020148	TDS.01.0580	PHAN THÀNH ĐẠT	22/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.1	Vật lí	6.9	19	0.50	32.50	2
189	2553020149	TDS.01.0582	PHAN XUÂN ĐẠT	25/10/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.1	17	0.40	32.90	1
190	2553020150	TDS.01.0585	THÁI THÀNH ĐẠT	02/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.7	14.5	0.46	30.76	2
191	2553020151	TDS.01.0584	TÓNG DƯƠNG HỮU ĐẠT	26/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	5.7	Sinh học	7.1	19.5	0.25	32.55	1
192	2553020152	TDS.01.0591	TRỊNH HỮU ĐẠT	20/03/2006	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.0	Sinh học	8.2	17	0.73	31.93	1
193	2553020153	TDS.01.0596	VÒNG TRUNG ĐẠT	27/05/2007	Nam	06a	3	406	HLTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	7.0	13.5	1.00	26.50	1
194	2553020154	TDS.01.0616	LÊ ĐÌNH HUYNH ĐỆ	30/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.4	Vật lí	8.2	16.5	0.34	33.44	1
195	2553020155	TDS.01.0353	ĐẶNG XUÂN DĨ	01/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.2	Ngữ Văn	8.2	19.5	0.39	34.29	1
196	2553020156	TDS.01.0358	KHA GIA DIỆM	16/12/2007	Nam	06a	2	406	HLTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	7.8	13.5	1.25	29.15	1
197	2553020157	TDS.01.0617	ĐÀO VĂN NHUẬN ĐIỀN	27/02/2006	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	8.1	16.5	0.75	31.55	1
198	2553020158	TDS.01.0359	CAO MINH DIỆP	08/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.0	19.5	0.17	34.87	1
199	2553020159	TDS.01.0363	VÕ QUANG DINH	22/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	6.6	16	0.25	29.95	2
200	2553020160	TDS.01.0365	LÂM CHÍ DĨNH	10/04/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	6.3	17.5	0.75	30.75	1
201	2553020161	TDS.01.0364	NGUYỄN CHÍ DĨNH	08/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.0	Sinh học	7.4	12.5	0.50	26.40	2
202	2553020162	TDS.01.0622	LỤC XUÂN ĐÌNH	01/07/2006	Nam	01	1	406	HLTT	T00	Toán	5.9	Sinh học	7.7	18.5	2.62	34.72	1
203	2553020163	TDS.01.0625	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	26/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	6.9	20	0.70	33.70	1
204	2553020164	TDS.01.0634	VÕ THÀNH ĐÔ	15/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	9.3	13	0.38	31.18	3
205	2553020165	TDS.01.0627	BÙI TIÊN ĐOAN	13/01/1995	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	5.8	17	0.00	29.40	1
206	2553020166	TDS.01.0628	NGUYỄN TÂM ĐOAN	19/02/2007	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.1	12	0.25	27.75	1
207	2553020167	TDS.01.0629	TRẦN TRÚC ĐOAN	31/05/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.4	17	0.38	33.18	1
208	2553020168	TDS.01.0630	NGUYỄN ANH ĐOÀN	26/03/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	6.6	15.5	0.75	28.85	1
209	2553020169	TDS.01.0631	VŨ ĐỨC ĐOÀN	01/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	8.2	11	0.49	28.59	1
210	2553020170	TDS.01.0637	LÒ QUÝ ĐÔN	20/06/2007	Nam	06a	3	406	HLTT	T01	Toán	6.1	Ngữ Văn	7.2	20	0.89	34.19	1
211	2553020171	TDS.01.0638	DƯƠNG CHÍ ĐÔNG	24/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.1	Vật lí	8.0	11	0.50	26.60	1
212	2553020172	TDS.01.0640	HOÀNG XUÂN ĐÔNG	10/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	4.7	18	0.50	30.40	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
213	2553020173	TDS.01.0642	MAI CHÍ ĐÔNG	17/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	6.9	14.5	0.50	28.50	1
214	2553020174	TDS.01.0643	NGUYỄN HOÀI ĐÔNG	02/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	8.2	15	0.75	29.85	1
215	2553020175	TDS.01.0644	NGUYỄN MINH ĐÔNG	02/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	7.7	11	0.00	25.60	1
216	2553020176	TDS.01.0646	THÁI VIỆT ĐÔNG	07/03/2007	Nam		1	405	HLTT	T06	Toán	6	Địa lí	8	12	0.75	26.75	1
217	2553020177	TDS.01.0647	DANH MINH ĐÔNG	09/11/2002	Nam	03d	3	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	6.7	17.5	2.00	32.50	1
218	2553020178	TDS.01.0649	NGUYỄN KIM ĐÔNG	11/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.2	20	0.19	34.59	1
219	2553020179	TDS.01.0370	LÊ MINH DUẤN	07/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	8.7	16	0.45	31.65	2
220	2553020180	TDS.01.0651	BÙI ĐÌNH MINH ĐỨC	23/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.1	Địa lí	6.2	19.5	0.50	31.30	1
221	2553020181	TDS.01.3439	ĐỖ ĐÌNH ĐỨC	09/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.6	16.5	0.40	32.60	1
222	2553020182	TDS.01.0659	LÊ TRỌNG ĐỨC	14/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.4	17.5	0.48	31.98	1
223	2553020183	TDS.01.0664	NGUYỄN DUY ĐỨC	23/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	8.0	17.5	0.22	32.32	1
224	2553020184	TDS.01.0667	NGUYỄN HUỖNH ĐỨC	19/12/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	6.8	Ngữ Văn	7.4	14.5	0.75	29.45	1
225	2553020185	TDS.01.0670	NGUYỄN MINH ĐỨC	20/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.5	15	0.20	31.70	1
226	2553020186	TDS.01.0675	PHẠM MINH ĐỨC	29/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	7.0	19.5	0.72	33.32	1
227	2553020187	TDS.01.0681	TRƯƠNG HỮU ĐỨC	31/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	9.5	12.5	0.22	29.92	1
228	2553020188	TDS.01.0371	ĐỖ THỊ NGỌC DUNG	19/05/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.8	Sinh học	7.2	11.5	0.50	27.00	2
229	2553020189	TDS.01.0372	NGUYỄN THỊ THUỖ DUNG	01/05/2006	Nữ		3	406	HLTT	T04	Toán	7.3	Vật lí	9.0	15.5	0.00	31.80	2
230	2553020190	TDS.01.0373	NGUYỄN THÙY DUNG	23/06/2007	Nữ		1	406	HLTT	T00	Toán	7.3	Sinh học	8.1	16.5	0.64	32.54	2
231	2553020191	TDS.01.0374	VÕ THỊ THÙY DUNG	08/02/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.7	Ngữ Văn	7.0	14	0.50	28.20	2
232	2553020192	TDS.01.0375	VŨ THỊ MAI DUNG	30/09/2006	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.5	Địa lí	6.5	17	0.50	29.50	1
233	2553020193	TDS.01.0377	ĐOÀN VŨ TIẾN DŨNG	22/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	7.8	16.5	0.21	32.21	1
234	2553020194	TDS.01.0378	HOÀNG VIỆT DŨNG	14/02/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T04	Toán	7.1	Vật lí	7.5	15.5	2.75	32.85	1
235	2553020195	TDS.01.0379	LÊ ANH DŨNG	04/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	7.5	19	0.29	35.39	2
236	2553020196	TDS.01.0380	LÊ QUANG DŨNG	27/09/2006	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	8.3	15	0.75	30.35	1
237	2553020197	TDS.01.0381	LÊ TẤN DŨNG	29/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.3	Sinh học	7.4	13.5	0.50	29.70	3
238	2553020198	TDS.01.0384	NGÔ NGỌC DŨNG	02/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	6.6	Vật lí	8.1	18	0.63	33.33	1
239	2553020199	TDS.01.0387	NGUYỄN TẤN DŨNG	11/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.7	18	0.21	32.91	2
240	2553020200	TDS.01.0389	NGUYỄN VĂN CHÍ DŨNG	10/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.4	Sinh học	8.8	19	0.00	34.20	2
241	2553020201	TDS.01.0390	NGUYỄN VĂN TIẾN DŨNG	09/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.4	18	0.70	32.70	1
242	2553020202	TDS.01.0383	NÔNG VĂN DŨNG	04/01/2007	Nam		3	405	HLTT	T06	Toán	3.25	Địa lí	9.25	17	0.00	29.50	1
243	2553020203	TDS.01.0391	PHẠM VĂN DŨNG	16/12/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	5.7	Ngữ Văn	6.4	15	0.75	27.85	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
244	2553020204	TDS.01.0393	RAH LANG DŨNG	08/04/2007	Nam	06a	2	406	HLTT	T04	Toán	6.4	Vật lí	7.4	20	1.03	34.83	1
245	2553020205	TDS.01.0395	THƯỢNG HOÀNG DŨNG	19/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.4	12.5	0.00	28.10	2
246	2553020206	TDS.01.0397	TRẦN NGỌC QUỐC DŨNG	13/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	9.3	14.5	0.00	31.50	1
247	2553020207	TDS.01.0483	LÊ THỦY DƯƠNG	26/08/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	8.0	16	0.50	30.80	1
248	2553020208	TDS.01.0488	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH DƯƠNG	31/08/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	9.1	19	0.15	35.05	1
249	2553020209	TDS.01.0492	PHAN DŨ DƯƠNG	17/05/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.0	16	0.25	30.65	1
250	2553020210	TDS.01.0494	TÔ ĐỒNG DƯƠNG	17/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.4	15.5	0.39	32.29	2
251	2553020211	TDS.01.0496	VÕ HOÀI DƯƠNG	12/08/2003	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.9	Sinh học	8.9	20	0.00	37.80	1
252	2553020212	TDS.01.0404	BÙI KHÁNH DUY	12/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.2	17	0.38	33.18	2
253	2553020213	TDS.01.0406	BÙI PHƯỚC DUY	15/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	8.5	Ngữ Văn	8.0	20	0.12	36.62	1
254	2553020214	TDS.01.0410	ĐẶNG PHÚC DUY	21/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	6.7	13.5	0.50	26.80	1
255	2553020215	TDS.01.0415	ĐỖ PHÚC DUY	17/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.8	19	0.28	35.58	1
256	2553020216	TDS.01.0413	ĐOÀN ĐỨC DUY	29/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	7.7	14.5	0.48	30.48	1
257	2553020217	TDS.01.0417	HUỲNH MINH DUY	16/07/2007	Nam		2NT	405	HLTT	T06	Toán	5.75	Địa lí	9.25	17	0.43	32.43	2
258	2553020218	TDS.01.0420	HUỲNH QUỐC DUY	01/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.7	13	0.49	29.69	2
259	2553020219	TDS.01.0422	LÂM PHƯƠNG DUY	14/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.8	Ngữ Văn	7.4	11.5	0.50	26.20	2
260	2553020220	TDS.01.0423	LÂM QUANG DUY	03/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.5	17.5	0.00	34.10	1
261	2553020221	TDS.01.0424	LÊ BẢO DUY	25/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	6.7	12	0.50	27.70	2
262	2553020222	TDS.01.0433	NGUYỄN ANH DUY	30/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	9.0	10.5	0.49	28.39	1
263	2553020223	TDS.01.0434	NGUYỄN BÁ DUY	19/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.1	Vật lí	7.6	11.5	0.50	25.70	1
264	2553020224	TDS.01.0438	NGUYỄN ĐỨC DUY	02/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	5.8	Sinh học	7.3	20	0.00	33.10	1
265	2553020225	TDS.01.0440	NGUYỄN HOÀNG TẤN DUY	09/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.1	10	0.25	25.05	1
266	2553020226	TDS.01.0443	NGUYỄN MINH DUY	01/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.8	Địa lí	9.0	10.5	0.50	27.80	1
267	2553020227	TDS.01.0445	NGUYỄN NHẤT DUY	17/07/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.9	19.5	0.57	34.67	1
268	2553020228	TDS.01.0449	NGUYỄN PHÚC MINH DUY	18/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.4	Ngữ Văn	8.0	14	0.25	29.65	1
269	2553020229	TDS.01.0453	NGUYỄN THANH DUY	25/02/2005	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.4	18	0.00	33.30	2
270	2553020230	TDS.01.0455	NGUYỄN THÀNH DUY	18/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.8	Sinh học	6.7	14.5	0.75	29.75	1
271	2553020231	TDS.01.0457	NGUYỄN THIÊN DUY	04/09/2006	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.7	19	0.66	33.56	1
272	2553020232	TDS.01.0458	NGUYỄN TRẦN KHÁNH DUY	25/05/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.7	10	0.00	23.80	2
273	2553020233	TDS.01.0459	NGUYỄN TRƯỞNG KHÁNH DUY	25/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.0	19	0.00	34.20	1
274	2553020234	TDS.01.0462	TỔNG KHÁNH DUY	09/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.2	Ngữ Văn	6.8	16	0.50	30.50	2

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
275	2553020235	TDS.01.0466	TRẦN QUANG DUY	10/05/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.9	11.5	0.00	26.90	1
276	2553020236	TDS.01.0469	TRƯƠNG KHÁNH DUY	18/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	7.1	12.5	0.25	24.85	2
277	2553020237	TDS.01.0470	TRƯƠNG TƯỜNG DUY	31/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.6	16	0.18	32.88	1
278	2553020238	TDS.01.0471	VÕ MẠNH DUY	29/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	7.7	13.5	0.75	29.65	1
279	2553020239	TDS.01.0472	VÕ MINH DUY	04/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.2	12.5	0.47	29.67	2
280	2553020240	TDS.01.0473	VÕ NGỌC DUY	26/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	8.1	16.5	0.50	31.30	2
281	2553020241	TDS.01.0475	VÕ NHẬT DUY	15/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.7	Sinh học	7.7	16.5	0.50	30.40	1
282	2553020242	TDS.01.0478	TRẦN ĐÀM MỸ DUYÊN	18/11/2007	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	6.1	Vật lí	8.8	16	0.24	31.14	4
283	2553020243	TDS.01.0684	LÝ TUẤN EM	30/08/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.6	12.5	2.75	31.45	1
284	2553020244	TDS.01.0688	DƯƠNG GUR A GHÊ	24/12/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T01	Toán	6.0	Ngữ Văn	7.1	20	2.53	35.63	1
285	2553020245	TDS.01.0690	HUỖNH HOÀNG GIA	01/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.1	19	0.43	33.53	1
286	2553020246	TDS.01.0693	VŨ HOÀNG GIA	06/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.1	Vật lí	6.7	17	0.25	30.05	1
287	2553020247	TDS.01.0695	ĐINH TRỊNH HOÀNG GIANG	09/04/2003	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	5.3	Địa lí	7.0	17.5	0.00	29.80	2
288	2553020248	TDS.01.0704	VĂN PHÚ MINH GIANG	01/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.5	19	0.16	34.86	2
289	2553020249	TDS.01.3505	HUỖNH GIAO	11/09/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.1	Ngữ Văn	8.2	13.5	0.46	30.26	1
290	2553020250	TDS.01.0706	NGÔ TẤN GIÀU	04/03/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	5.3	Địa lí	8.4	14.5	2.75	30.95	1
291	2553020251	TDS.01.0709	TRẦN THỊ NGỌC GIÀU	16/12/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.6	10	0.50	26.00	2
292	2553020252	TDS.01.0712	BÙI THANH HÀ	31/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	7.4	17	0.47	31.97	1
293	2553020253	TDS.01.0713	LÂM THỊ NGỌC HÀ	11/10/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	9.3	Ngữ Văn	7.4	17	0.48	34.18	2
294	2553020254	TDS.01.0717	NGUYỄN THỊ THU HÀ	05/12/2007	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.7	18.5	0.15	35.05	1
295	2553020255	TDS.01.0719	BÙI THỊ THANH HẠ	15/11/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	6.7	15.5	0.25	28.45	1
296	2553020256	TDS.01.0725	NGUYỄN MINH HẢI	25/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.8	Vật lí	7.1	16.5	0.50	30.90	1
297	2553020257	TDS.01.0726	NGUYỄN PHƯƠNG HẢI	03/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.5	18.5	0.21	33.31	1
298	2553020258	TDS.01.0727	NGUYỄN THÀNH HẢI	21/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	8.5	13	0.25	28.75	2
299	2553020259	TDS.01.0729	TRẦN SANH DUY HẢI	11/08/2004	Nam	03d	3	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.0	10.5	2.00	27.10	1
300	2553020260	TDS.01.0731	TRẦN THANH HẢI	30/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.3	13	0.00	29.90	2
301	2553020261	TDS.01.0779	ĐÀM NGỌC HÂN	15/10/2006	Nữ		3	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.3	16	0.00	31.20	1
302	2553020262	TDS.01.0780	HUỖNH GIA HÂN	22/06/2007	Nữ	06a	2	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.5	12.5	1.25	27.55	1
303	2553020263	TDS.01.0784	LÝ GIA HÂN	18/03/2007	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.9	17	0.12	35.02	1
304	2553020264	TDS.01.0785	NGÔ GIA HÂN	13/12/2006	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.3	20	0.00	35.90	1
305	2553020265	TDS.01.0786	NGUYỄN GIA HÂN	21/06/2007	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.4	18	0.00	34.40	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
306	2553020266	TDS.01.0788	NGUYỄN HOÀNG HÂN	19/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	5.6	18	0.50	30.70	1
307	2553020267	TDS.01.0790	NGUYỄN HOÀNG NGỌC HÂN	14/03/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.5	13	0.50	27.70	3
308	2553020268	TDS.01.0734	VÕ THẠCH HÂN	27/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.8	Vật lí	8.1	10.5	0.50	25.90	1
309	2553020269	TDS.01.0776	DƯƠNG BẢO MINH HẰNG	08/05/2006	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.6	Ngữ Văn	7.1	17	0.50	30.20	1
310	2553020270	TDS.01.0778	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	07/07/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.9	Vật lí	7.6	18.5	0.35	34.35	1
311	2553020271	TDS.01.0738	TRƯƠNG THỊ HIẾU HẠNH	30/03/2006	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.8	19.5	0.00	35.80	1
312	2553020272	TDS.01.0740	ĐINH QUANG HÀO	14/03/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.8	11	0.25	26.55	1
313	2553020273	TDS.01.0741	ĐỖ ANH HÀO	15/10/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	7.1	16.5	0.00	31.60	2
314	2553020274	TDS.01.0744	LÊ GIA HÀO	11/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.7	20	0.00	34.70	1
315	2553020275	TDS.01.0746	LÊ NGÔ GIA HÀO	01/06/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	5.5	Sinh học	8.0	19	0.00	32.50	1
316	2553020276	TDS.01.0750	NGUYỄN ANH HÀO	27/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	6.5	Ngữ Văn	6.6	15.5	0.75	29.35	3
317	2553020277	TDS.01.0751	NGUYỄN DUY HÀO	29/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.8	13.5	0.25	27.95	1
318	2553020278	TDS.01.0760	NGUYỄN VÕ GIA HÀO	07/09/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.9	18	0.27	35.17	1
319	2553020279	TDS.01.0765	TỔNG GIA HÀO	28/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.6	15.5	0.00	31.50	4
320	2553020280	TDS.01.0769	VĂN TRÍ HÀO	03/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.9	Vật lí	8.5	11.5	0.25	28.15	1
321	2553020281	TDS.01.0770	VÕ MINH HÀO	16/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.5	Vật lí	6.9	18.5	0.49	32.39	1
322	2553020282	TDS.01.0771	VŨ NHẬT HÀO	14/10/2007	Nam	06a	2	406	HLTT	T06	Toán	5.6	Địa lí	8.3	17.5	1.23	32.63	1
323	2553020283	TDS.01.3485	ĐINH THỊ PHƯƠNG HÀO	28/05/2001	Nữ		3	406	HLTT	T04	Toán	5.1	Vật lí	6.0	20	0.00	31.10	1
324	2553020284	TDS.01.0774	LÊ QUANG HẠO	13/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	9.4	14	0.43	31.03	1
325	2553020285	TDS.01.0775	TRẦN NGUYỄN QUỐC HẠO	22/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.6	Ngữ Văn	7.3	20	0.47	33.37	1
326	2553020286	TDS.01.0800	ĐỖ NGUYỄN PHÚC HẬU	16/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.7	Vật lí	9.1	13	0.25	29.05	1
327	2553020287	TDS.01.0798	DƯƠNG ĐÌNH HẬU	05/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.4	17.5	0.18	33.48	1
328	2553020288	TDS.01.0804	LÊ PHƯỚC HẬU	30/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	7.0	11.5	0.50	27.30	3
329	2553020289	TDS.01.0808	NGUYỄN TẤN HẬU	28/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.7	Địa lí	9.0	11.5	0.00	29.20	1
330	2553020290	TDS.01.3489	NGUYỄN VĂN TRUNG HẬU	12/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.3	11.5	0.25	28.25	2
331	2553020291	TDS.01.3437	VŨ THU HIỀN	17/12/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	7.0	17	0.50	31.50	4
332	2553020292	TDS.01.0823	NGUYỄN TRẦN MINH HIỀN	08/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	5.8	Sinh học	7.8	11.5	0.25	25.35	2
333	2553020293	TDS.01.0824	NGUYỄN XUÂN HIỀN	09/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.4	Vật lí	9.4	13.5	0.36	31.66	1
334	2553020294	TDS.01.0826	THÁI HỌC HIỀN	13/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	7.5	19	0.19	34.09	1
335	2553020295	TDS.01.3524	ĐỖ SỸ HIỆP	05/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.6	16	0.49	31.09	2
336	2553020296	TDS.01.0829	HOÀNG THẾ HIỆP	02/01/2003	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.5	17	2.49	34.19	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
337	2553020297	TDS.01.0839	HUỖNH NGỌC HIỂU	15/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	9.3	Địa lí	9.6	15	0.12	34.02	2
338	2553020298	TDS.01.0840	HUỖNH TRUNG HIỂU	21/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	9.0	Ngữ Văn	8.8	11.5	0.22	29.52	2
339	2553020299	TDS.01.0843	LÊ BẢO HIỂU	12/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.6	13.5	0.20	30.90	2
340	2553020300	TDS.01.0844	LÊ ĐÌNH HIỂU	01/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	9.5	17	0.27	34.77	3
341	2553020301	TDS.01.0845	LÊ THIÊN HIỂU	05/09/2002	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.9	10	0.00	25.40	1
342	2553020302	TDS.01.0846	LÊ TRUNG HIỂU	20/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	9.4	12	0.49	29.09	2
343	2553020303	TDS.01.0852	NGUYỄN LÊ THÁI HIỂU	26/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	8.3	Ngữ Văn	9.0	14.5	0.18	31.98	3
344	2553020304	TDS.01.0853	NGUYỄN NGỌC HIỂU	04/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.8	Sinh học	8.0	13.5	0.50	27.80	1
345	2553020305	TDS.01.0856	NGUYỄN VĂN HIỂU	07/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	9.5	15	0.40	31.90	4
346	2553020306	TDS.01.0858	PHẠM TRUNG HIỂU	06/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	5.6	Vật lí	8.5	10	0.25	24.35	1
347	2553020307	TDS.01.0859	PHẠM TRUNG HIỂU	26/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.4	17	0.19	32.99	2
348	2553020308	TDS.01.0861	THẠCH MINH HIỂU	05/01/2007	Nam	06a	2	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.3	20	0.87	35.67	1
349	2553020309	TDS.01.0862	TRẦN DƯƠNG TRỌNG HIỂU	13/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.0	11	0.50	27.50	4
350	2553020310	TDS.01.0865	TRƯƠNG VĂN HIỂU	11/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.5	Địa lí	6.6	20	0.25	32.35	1
351	2553020311	TDS.01.0869	NGUYỄN THỊ VIỆT HOA	12/09/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.5	Ngữ Văn	8.6	18	0.26	35.36	1
352	2553020312	TDS.01.0873	HUỖNH PHƯỚC HÒA	15/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	7.8	19	0.31	35.11	1
353	2553020313	TDS.01.0875	LÊ TRỌNG HÒA	25/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.4	15	0.43	31.53	1
354	2553020314	TDS.01.0882	MAI NGỌC THÁI HÒA	01/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.7	10.5	0.50	27.20	2
355	2553020315	TDS.01.0877	NGUYỄN THÁI HÒA	02/11/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	6.3	Vật lí	7.0	19	0.72	33.02	2
356	2553020316	TDS.01.0880	PHAN CHÂU HÒA	01/02/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.8	Sinh học	7.9	16.5	0.40	32.60	2
357	2553020317	TDS.01.0881	QUÁCH PHÚ HÒA	15/11/2004	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	9.6	17	0.00	34.70	3
358	2553020318	TDS.01.0885	HUỖNH TRẦN NHẬT HOÀI	03/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.6	15	0.41	31.71	1
359	2553020319	TDS.01.0891	TRẦN VĂN HOÀN	27/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.5	16	0.43	31.93	1
360	2553020320	TDS.01.0908	LÊ VĂN HOÀNG	13/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.8	Ngữ Văn	7.2	16.5	0.50	31.00	1
361	2553020321	TDS.01.3480	NGŨ THÀNH HOÀNG	05/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	8.3	Ngữ Văn	7.9	17	0.53	33.73	3
362	2553020322	TDS.01.0916	NGUYỄN HUY HOÀNG	17/01/2007	Nam		2	405	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.75	16.5	0.20	32.45	1
363	2553020323	TDS.01.0918	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	08/09/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	9.0	18	0.16	34.46	3
364	2553020324	TDS.01.0922	PHAN NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	27/06/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	8.0	18	0.00	32.30	1
365	2553020325	TDS.01.0926	THỐI TRẦN DUY HOÀNG	11/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	7.0	14	0.50	28.50	1
366	2553020326	TDS.01.0928	TRẦN HỮU ĐỨC HOÀNG	11/04/2006	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	5.6	Địa lí	7.8	17.5	0.75	31.65	1
367	2553020327	TDS.01.0927	TRẦN HUY HOÀNG	25/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.4	19.5	0.00	33.70	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
368	2553020328	TDS.01.0932	TRẦN VÕ HUY HOÀNG	22/02/2007	Nam		2	405	HLTT	T01	Toán	4.85	Ngữ Văn	8.5	16.5	0.25	30.10	2
369	2553020329	TDS.01.0937	LÊ THÁI HỌC	15/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.9	15	0.75	29.55	1
370	2553020330	TDS.01.0939	NGUYỄN THÁI HỌC	13/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	6.0	Ngữ Văn	6.8	18.5	0.75	32.05	2
371	2553020331	TDS.01.0940	PHẠM THANH HỌC	01/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.3	11.5	0.25	28.15	1
372	2553020332	TDS.01.0941	VŨ ĐẠI HỌC	30/10/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.9	15	0.18	32.28	2
373	2553020333	TDS.01.0942	NGUYỄN HỮU HỘI	03/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	9.3	18	0.14	35.04	1
374	2553020334	TDS.01.0946	PHẠM ĐÌNH HỘI	25/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.6	14	0.42	31.12	3
375	2553020335	TDS.01.0944	NGUYỄN ÁNH HỒNG	31/01/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	5.8	Địa lí	7.7	16	0.25	29.75	1
376	2553020336	TDS.01.0949	CHÂU MINH HUÂN	21/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.1	Vật lí	7.1	19.5	0.47	33.17	1
377	2553020337	TDS.01.0950	HUỲNH PHAN GIA HUÂN	18/03/2007	Nam	06a	2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.6	14	1.40	31.40	2
378	2553020338	TDS.01.0953	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	30/04/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.8	17.5	0.40	33.10	1
379	2553020339	TDS.01.0956	ĐẶNG TRÍ HÙNG	24/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.8	Vật lí	6.7	20	0.43	33.93	1
380	2553020340	TDS.01.0965	NGUYỄN ANH HÙNG	01/12/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.1	Sinh học	7.0	20	0.50	32.60	1
381	2553020341	TDS.01.3517	NGUYỄN MẠNH HÙNG	17/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.8	18.5	0.12	35.72	1
382	2553020342	TDS.01.0968	NGUYỄN PHI HÙNG	23/11/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.7	18.5	0.22	33.02	1
383	2553020343	TDS.01.0970	NGUYỄN TÂN HÙNG	18/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	8.1	16	0.73	31.43	1
384	2553020344	TDS.01.0975	VŨ TRỊNH VĂN HÙNG	24/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	6.6	20	0.00	33.10	2
385	2553020345	TDS.01.3497	BÙI DOÃN QUỐC HÙNG	01/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	7.3	16.5	0.50	31.20	1
386	2553020346	TDS.01.1128	ĐỖ THIÊN HÙNG	07/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.7	15.5	0.19	32.39	2
387	2553020347	TDS.01.1131	HOÀNG MẠNH HÙNG	07/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	7.2	14	0.50	29.40	1
388	2553020348	TDS.01.1134	LÂM QUỐC HUNG	19/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.5	16.5	0.38	32.88	1
389	2553020349	TDS.01.1139	NGUYỄN HOÀNG GIA HÙNG	14/06/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.5	18.5	0.00	33.30	2
390	2553020350	TDS.01.1144	NGUYỄN TÂN HUNG	10/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.0	10.5	0.75	26.45	1
391	2553020351	TDS.01.1147	PHẠM TÂN HUNG	12/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.8	Sinh học	9.1	12	0.47	29.37	3
392	2553020352	TDS.01.1150	PHAN TRẦN VĨNH HUNG	25/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	8.9	17.5	0.24	35.44	4
393	2553020353	TDS.01.1151	TRẦN DUY HUNG	24/03/2002	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.6	14.5	0.00	31.10	2
394	2553020354	TDS.01.3516	HÀ PHẠM THU HƯƠNG	17/05/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.8	Ngữ Văn	8.5	10	0.50	26.80	1
395	2553020355	TDS.01.1155	HỒ QUỲNH HƯƠNG	07/11/2007	Nữ	06a	2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.3	Ngữ Văn	6.9	19	1.46	33.66	2
396	2553020356	TDS.01.1157	KIM THỊ THU HƯƠNG	12/11/2007	Nữ	01	1	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.4	18	1.69	36.09	1
397	2553020357	TDS.01.1162	LÊ TRẦN ĐÌNH HƯỚNG	04/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.0	Vật lí	8.0	12.5	0.50	27.00	1
398	2553020358	TDS.01.1161	NGUYỄN AN HƯỜNG	01/01/2006	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	6.2	Ngữ Văn	6.4	12.5	0.00	25.10	1

182

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
399	2553020359	TDS.01.1164	LÊ TRỌNG HỮU	19/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.3	19.5	0.30	35.50	2
400	2553020360	TDS.01.1165	QUÁCH PHONG HỮU	14/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.9	Vật lí	7.4	20	0.19	34.49	3
401	2553020361	TDS.01.0978	BÙI NGUYỄN NHẬT HUY	14/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.0	15	0.50	30.00	1
402	2553020362	TDS.01.0980	CHÂU HOÀNG HUY	25/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	5.2	Địa lí	8.1	16.5	0.75	30.55	3
403	2553020363	TDS.01.0985	ĐẶNG NGUYỄN GIA HUY	15/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.7	Vật lí	8.8	17	0.20	32.70	1
404	2553020364	TDS.01.0987	ĐINH VĂN HUY	26/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.5	17	0.25	31.15	1
405	2553020365	TDS.01.0991	ĐỖ GIA HUY	25/03/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	5.0	Sinh học	7.7	18	0.00	30.70	1
406	2553020366	TDS.01.0992	ĐỖ QUỐC HUY	07/05/2006	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.2	14.5	0.75	29.25	3
407	2553020367	TDS.01.0994	ĐỖ TRẦN THỂ HUY	19/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.3	Sinh học	8.8	12	0.25	28.35	2
408	2553020368	TDS.01.0995	ĐỒNG KHÁNH HUY	11/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.5	17	0.22	32.12	1
409	2553020369	TDS.01.0983	DƯƠNG ĐỨC HUY	15/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	6.1	Ngữ Văn	7.4	11.5	0.00	25.00	1
410	2553020370	TDS.01.3450	HÀ GIA HUY	28/10/2007	Nam	06a	2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.7	17.5	1.37	33.27	2
411	2553020371	TDS.01.0996	HÀN VŨ GIA HUY	23/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.2	Sinh học	8.5	15.5	0.50	30.70	1
412	2553020372	TDS.01.1001	HỒ NGUYỄN HUY	07/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.3	Sinh học	7.5	10	0.75	26.55	1
413	2553020373	TDS.01.0999	HOÀNG MINH HUY	07/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.4	Địa lí	6.8	12.5	0.25	24.95	3
414	2553020374	TDS.01.1006	HUỖNH NHẬT HUY	24/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	9.2	Sinh học	9.4	15	0.13	33.73	3
415	2553020375	TDS.01.1012	HUỖNH VIỆT HUY	23/09/2004	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	5.9	Ngữ Văn	8.0	14.5	0.00	28.40	1
416	2553020376	TDS.01.1015	LÊ BẢO HUY	21/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	7.1	Ngữ Văn	6.5	19	0.69	33.29	1
417	2553020377	TDS.01.1016	LÊ ĐÌNH PHÚC HUY	09/11/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	4.4	Vật lí	6.6	10	0.00	21.00	1
418	2553020378	TDS.01.1018	LÊ NGUYỄN GIA HUY	28/05/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	8.3	Ngữ Văn	6.6	15.5	0.00	30.40	6
419	2553020379	TDS.01.1020	LÊ NHẬT HUY	03/03/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.1	Địa lí	7.6	20	0.24	32.94	2
420	2553020380	TDS.01.3528	LÊ QUANG HUY	20/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.9	14.5	0.22	30.92	1
421	2553020381	TDS.01.1022	LÊ QUỐC HUY	17/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	9.4	Địa lí	8.7	12	0.00	30.10	1
422	2553020382	TDS.01.1027	MAI GIA HUY	13/01/2006	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.1	13.5	0.75	29.75	1
423	2553020383	TDS.01.1028	NGÔ GIA HUY	04/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	5.1	Địa lí	6.9	17	0.75	29.75	1
424	2553020384	TDS.01.1030	NGUYỄN ANH HUY	31/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.0	12	0.50	26.10	2
425	2553020385	TDS.01.1032	NGUYỄN GIA HUY	04/04/2001	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.7	10	0.00	25.80	4
426	2553020386	TDS.01.1033	NGUYỄN GIA HUY	14/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	9.5	Địa lí	9.6	17.5	0.07	36.67	3
427	2553020387	TDS.01.1039	NGUYỄN HUỖNH GIA HUY	11/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.3	Sinh học	9.3	10	0.25	27.85	1
428	2553020388	TDS.01.1043	NGUYỄN MINH HUY	17/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	9.6	11	0.25	27.45	1
429	2553020389	TDS.01.1052	NGUYỄN QUANG HUY	31/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.2	13.5	0.75	30.05	1

10 / H.0. N. / 11

152

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
430	2553020390	TDS.01.1054	NGUYỄN QUỐC HUY	17/09/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.8	18	0.41	33.31	2
431	2553020391	TDS.01.1055	NGUYỄN QUỐC GIA HUY	02/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	8.5	10	0.25	25.05	1
432	2553020392	TDS.01.1061	NGUYỄN TRẦN GIA HUY	02/09/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.6	20	0.22	36.92	1
433	2553020393	TDS.01.1058	NGUYỄN TUẤN HUY	02/03/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	7.5	15	0.49	30.69	2
434	2553020394	TDS.01.1065	PHẠM KHÁNH HUY	11/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.3	18	0.50	31.90	1
435	2553020395	TDS.01.1067	PHAN GIA HUY	14/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.7	12	0.50	26.90	1
436	2553020396	TDS.01.1068	PHAN GIA HUY	28/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	9.2	11	0.00	27.80	1
437	2553020397	TDS.01.1070	PHAN QUỐC HUY	03/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	8.1	Ngữ Văn	8.5	19	0.13	35.73	1
438	2553020398	TDS.01.1079	TRẦN GIA HUY	10/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.0	Vật lí	8.1	15.5	0.50	30.10	1
439	2553020399	TDS.01.1081	TRẦN GIA HUY	29/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	9.1	16	0.43	31.93	1
440	2553020400	TDS.01.1082	TRẦN HOÀNG HUY	20/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.6	17.5	0.44	32.54	1
441	2553020401	TDS.01.1083	TRẦN LÊ QUANG HUY	01/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.1	Vật lí	8.2	12	0.50	26.80	1
442	2553020402	TDS.01.1085	TRẦN MINH HUY	14/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.3	17	0.38	33.18	1
443	2553020403	TDS.01.1095	TRẦN QUỐC HUY	14/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	7.5	11.5	0.25	27.15	3
444	2553020404	TDS.01.1101	TRƯƠNG ĐĂNG THỂ HUY	19/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	8.1	18	0.68	32.88	1
445	2553020405	TDS.01.1103	TRƯƠNG ĐỨC HUY	13/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.5	16.5	0.69	32.09	2
446	2553020406	TDS.01.1104	TRƯƠNG GIA HUY	03/08/2006	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.5	Vật lí	8.7	18.5	0.19	33.89	1
447	2553020407	TDS.01.1105	TRƯƠNG GIA HUY	05/01/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	6.4	17	0.25	29.75	1
448	2553020408	TDS.01.1108	VÕ NHẬT HUY	15/04/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.1	12	0.50	27.80	1
449	2553020409	TDS.01.1110	BƠ NAH RIA BOUYE HUYỀN	07/02/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	7.4	18	2.60	34.50	2
450	2553020410	TDS.01.1112	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC HUYỀN	04/07/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	4.5	Địa lí	6.5	17	0.75	28.75	1
451	2553020411	TDS.01.1117	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	13/06/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	9.6	16	0.39	32.49	1
452	2553020412	TDS.01.1171	NGUYỄN VĂN KA KA	06/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	7.4	17.5	0.42	32.92	1
453	2553020413	TDS.01.1245	NGUYỄN CHÁNH KHA	20/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	8.4	17.5	0.21	32.81	2
454	2553020414	TDS.01.3493	PHAN VĂN KHẢI	25/06/2004	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	7.3	19	0.35	34.65	1
455	2553020415	TDS.01.1264	TRẦN QUỐC KHẢI	11/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.2	16	0.00	30.80	1
456	2553020416	TDS.01.3458	ĐẶNG VIỆT KHANG	01/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.0	11	0.25	26.75	2
457	2553020417	TDS.01.3491	ĐINH NGUYỄN GIA KHANG	22/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.0	15	0.75	28.95	2
458	2553020418	TDS.01.1275	ĐỖ TRÍ KHANG	18/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	8.7	14	0.44	30.84	1
459	2553020419	TDS.01.1271	DƯƠNG TUẤN KHANG	11/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.7	18	0.31	34.71	1
460	2553020420	TDS.01.1276	HOÀNG DUY KHANG	12/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	6.9	16	0.23	31.23	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
461	2553020421	TDS.01.1278	HUỖNH MINH KHANG	05/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.0	13	0.25	29.35	1
462	2553020422	TDS.01.1279	HUỖNH QUỐC KHANG	03/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.4	13	0.25	27.65	1
463	2553020423	TDS.01.1281	HUỖNH THIÊN KHANG	23/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.1	18	0.46	32.56	2
464	2553020424	TDS.01.1284	LÊ KHANG	18/01/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	8.8	13	0.00	29.00	1
465	2553020425	TDS.01.1287	LÊ TRỌNG KHANG	19/12/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.0	12.5	0.75	28.25	3
466	2553020426	TDS.01.1293	NGUYỄN BÁ KHANG	11/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	8.9	14	0.35	32.15	1
467	2553020427	TDS.01.1300	NGUYỄN ĐÀM MẠNH KHANG	02/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	5.9	Sinh học	6.5	17.5	0.25	30.15	1
468	2553020428	TDS.01.1297	NGUYỄN DUY KHANG	23/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	7.6	19.5	0.19	34.29	3
469	2553020429	TDS.01.3455	NGUYỄN DUY KHANG	05/11/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	4.4	Vật lí	7.5	19	0.75	31.65	1
470	2553020430	TDS.01.1302	NGUYỄN HOÀNG KHANG	10/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	9.3	20	0.24	36.64	1
471	2553020431	TDS.01.1306	NGUYỄN HỮU KHANG	17/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	9.0	16	0.19	32.59	2
472	2553020432	TDS.01.1309	NGUYỄN MAI HOÀNG KHANG	16/05/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	7.6	18.5	0.00	33.70	2
473	2553020433	TDS.01.1310	NGUYỄN MINH KHANG	16/01/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	9.4	20	0.00	37.30	1
474	2553020434	TDS.01.1315	NGUYỄN VÕ HOÀNG THÁI KHANG	26/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.7	Vật lí	8.0	19	0.25	35.95	1
475	2553020435	TDS.01.1318	PHẠM HOÀNG GIA KHANG	23/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	8.4	19	0.20	33.70	2
476	2553020436	TDS.01.1319	PHẠM LÂM GIA KHANG	28/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.6	18	0.37	33.77	1
477	2553020437	TDS.01.1326	PHAN PHÚC KHANG	13/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	6.8	13	0.50	27.10	1
478	2553020438	TDS.01.1331	TRẦN MINH KHANG	07/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	6.0	Vật lí	7.3	15.5	0.75	29.55	1
479	2553020439	TDS.01.1334	TRẦN VĨNH KHANG	16/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.5	16	0.35	33.15	1
480	2553020440	TDS.01.1336	VÕ TUẤN KHANG	12/07/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.4	13.5	0.50	29.80	1
481	2553020441	TDS.01.3442	NGUYỄN CHẤN KHANH	10/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.9	13	0.50	28.80	2
482	2553020442	TDS.01.1341	NGUYỄN DUY KHANH	10/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	9.6	11	0.20	29.60	1
483	2553020443	TDS.01.1344	NGUYỄN QUANG TUẤN KHANH	05/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	7.6	18.5	0.36	34.26	1
484	2553020444	TDS.01.1345	PHẠM LÊ BẢO KHANH	08/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	7.5	12	0.50	26.50	2
485	2553020445	TDS.01.1346	PHAN TUẤN KHANH	07/01/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.5	19	0.00	35.60	1
486	2553020446	TDS.01.1348	TRẦN VĂN TUẤN KHANH	30/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.4	Địa lí	7.7	16.5	0.57	33.17	1
487	2553020447	TDS.01.1349	ĐINH CÔNG KHÁNH	09/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.4	13	0.50	28.00	1
488	2553020448	TDS.01.1352	HỒ HOÀNG KHÁNH	23/03/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	7.5	20	0.48	35.68	1
489	2553020449	TDS.01.3462	MAI CÔ QUỐC KHÁNH	02/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	7.6	19	0.16	34.76	1
490	2553020450	TDS.01.1359	NGUYỄN ANH KHÁNH	02/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	7.8	14.5	0.23	30.53	1
491	2553020451	TDS.01.1362	NGUYỄN HỮU KHÁNH	01/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.9	15.5	0.72	31.32	1

HẾT T
 TRƯỜNG
 ĐẠI H
 THỂ DỤC T
 THÀNH
 HỒ CH
 B
 DII

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
492	2553020452	TDS.01.1364	NGUYỄN LƯU KHÁNH	13/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	9.4	Địa lí	8.6	16.5	0.25	34.75	2
493	2553020453	TDS.01.1365	NGUYỄN MINH KHÁNH	04/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.2	Ngữ Văn	8.6	17.5	0.30	34.60	1
494	2553020454	TDS.01.1366	NGUYỄN NAM KHÁNH	05/07/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	7.5	Ngữ Văn	7.6	15.5	0.72	31.32	2
495	2553020455	TDS.01.1367	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	02/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.8	Địa lí	7.4	17	0.25	30.45	2
496	2553020456	TDS.01.1370	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	29/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.6	16.5	0.25	30.45	1
497	2553020457	TDS.01.1373	NGUYỄN VŨ QUỐC KHÁNH	03/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	7.1	13	0.25	27.75	3
498	2553020458	TDS.01.1386	ĐẶNG GIA KHIÊM	17/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	5.9	Vật lí	6.7	10	0.25	22.85	2
499	2553020459	TDS.01.1391	PHẠM GIA KHIÊM	25/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.0	Ngữ Văn	7.2	12	0.50	25.70	1
500	2553020460	TDS.01.1396	ĐẶNG ĐÀO TUẤN KHOA	29/09/2007	Nam		3	405	HLTT	T04	Toán	5.5	Vật lí	7.1	15.5	0.00	28.10	3
501	2553020461	TDS.01.1397	ĐẶNG MINH KHOA	17/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	9.2	11.5	0.25	27.45	1
502	2553020462	TDS.01.3435	ĐẶNG VÕ ANH KHOA	26/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	7.8	19	0.41	33.81	1
503	2553020463	TDS.01.1398	ĐOÀN VÕ ĐĂNG KHOA	28/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	6.7	16.5	0.50	30.20	1
504	2553020464	TDS.01.1403	LA ANH KHOA	08/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	8.7	13	0.64	30.74	1
505	2553020465	TDS.01.1404	LÊ ANH KHOA	05/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.0	15	0.42	31.62	1
506	2553020466	TDS.01.1405	LÊ ANH KHOA	10/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.2	13	0.47	29.87	1
507	2553020467	TDS.01.1406	LÊ ĐĂNG KHOA	15/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.5	13	0.45	30.25	2
508	2553020468	TDS.01.1408	LÊ VĂN ANH KHOA	03/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	6.0	Ngữ Văn	6.5	15	0.25	27.75	1
509	2553020469	TDS.01.1409	MAI QUANG ANH KHOA	21/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.4	15.5	0.43	31.73	1
510	2553020470	TDS.01.1411	NGUYỄN ANH KHOA	03/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.1	Ngữ Văn	6.3	12.5	0.50	26.40	1
511	2553020471	TDS.01.1412	NGUYỄN ANH KHOA	11/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.6	Sinh học	6.8	19	0.51	34.91	2
512	2553020472	TDS.01.1414	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	14/01/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	7.8	12	0.00	28.60	1
513	2553020473	TDS.01.3514	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	16/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.6	Sinh học	6.8	19	0.41	33.81	1
514	2553020474	TDS.01.1418	NGUYỄN HÀ ĐĂNG KHOA	24/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.6	15	0.19	31.99	1
515	2553020475	TDS.01.3502	NGUYỄN HẢI ĐĂNG KHOA	29/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	5.7	16	0.25	28.75	3
516	2553020476	TDS.01.1420	NGUYỄN PHẠM ANH KHOA	06/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	9.0	11.5	0.00	28.90	1
517	2553020477	TDS.01.1427	PHẠM ĐĂNG KHOA	24/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	7.6	16	0.65	32.15	1
518	2553020478	TDS.01.1428	PHẠM ĐĂNG KHOA	26/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.9	Vật lí	8.3	17	0.29	34.49	1
519	2553020479	TDS.01.1429	PHẠM ĐOÀN ANH KHOA	19/08/2005	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	7.4	12	0.50	27.50	3
520	2553020480	TDS.01.1432	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG KHOA	13/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	6.7	14.5	0.50	28.70	1
521	2553020481	TDS.01.1433	PHAN ĐĂNG KHOA	28/02/2003	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	9.0	Sinh học	8.7	18	0.00	35.70	1
522	2553020482	TDS.01.1434	PHAN LÊ DUY KHOA	30/08/0007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	9.1	18.5	0.16	34.56	2

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
523	2553020483	TDS.01.1436	TRẦN ANH KHOA	11/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.9	16.5	0.22	32.02	1
524	2553020484	TDS.01.1437	TRẦN BẢO ANH KHOA	10/12/2006	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	5.6	Ngữ Văn	6.9	15	0.25	27.75	1
525	2553020485	TDS.01.1439	TRẦN ĐĂNG KHOA	27/03/2007	Nam		2	405	HLTT	T01	Toán	6.35	Ngữ Văn	7.0	18	0.25	31.60	1
526	2553020486	TDS.01.1440	TRẦN HUỖNH ĐĂNG KHOA	05/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.1	Ngữ Văn	6.4	12	0.50	26.00	1
527	2553020487	TDS.01.1444	TRƯƠNG ĐĂNG KHOA	16/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.7	18.5	0.13	35.53	1
528	2553020488	TDS.01.1446	VŨ TRẦN ANH KHOA	02/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.6	17	0.00	32.50	1
529	2553020489	TDS.01.1451	HOÀNG NGUYỄN MINH KHÔI	27/03/2007	Nam	06a	2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	7.0	17	1.50	32.10	1
530	2553020490	TDS.01.1452	LÀNH ĐĂNG KHÔI	11/08/2006	Nam	01	1	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	7.6	18.5	2.18	35.48	1
531	2553020491	TDS.01.1457	NGÔ TRẦN ĐĂNG KHÔI	15/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.6	14	0.43	30.93	3
532	2553020492	TDS.01.1458	NGUYỄN ANH KHÔI	05/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.0	12	0.25	27.75	1
533	2553020493	TDS.01.1461	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHÔI	17/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.8	13	0.25	28.35	3
534	2553020494	TDS.01.1459	NGUYỄN DUY KHÔI	11/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	7.6	12.5	0.25	27.35	2
535	2553020495	TDS.01.1474	PHAN MINH KHÔI	17/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	7.3	Ngữ Văn	8.0	19	0.52	34.82	2
536	2553020496	TDS.01.1475	THÁI ĐĂNG KHÔI	01/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.8	17	0.00	33.70	1
537	2553020497	TDS.01.1477	TRẦN BIỆN NGUYỄN KHÔI	13/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	7.0	12.5	0.50	26.50	1
538	2553020498	TDS.01.1478	TRẦN ĐĂNG KHÔI	09/05/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	9.2	12	0.40	30.40	3
539	2553020499	TDS.01.1479	TRẦN NGUYỄN ANH KHÔI	25/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.3	17.5	0.72	32.32	1
540	2553020500	TDS.01.1480	TRƯƠNG NGUYỄN ANH KHÔI	14/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.0	Vật lí	9.3	16	0.38	32.68	2
541	2553020501	TDS.01.1482	TRẦN VĂN KHÔN	29/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.1	Ngữ Văn	6.6	12	0.50	25.20	1
542	2553020502	TDS.01.1487	ĐÌNH HOÀNG KHƯƠNG	13/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	6.7	14	0.50	28.60	1
543	2553020503	TDS.01.1488	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	01/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	7.3	15.5	0.50	30.50	1
544	2553020504	TDS.01.1489	NGUYỄN HOÀNG KHƯƠNG	03/08/2005	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	6.9	14.5	0.00	27.80	1
545	2553020505	TDS.01.1490	NGUYỄN QUỐC KHƯƠNG	05/11/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	7.6	14.5	0.75	30.55	1
546	2553020506	TDS.01.1491	NGUYỄN THÀNH KHƯƠNG	12/07/2004	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.2	18	0.00	34.40	3
547	2553020507	TDS.01.1175	LÃ ĐỨC VÕ KIÊN	28/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	8.0	20	0.00	34.70	1
548	2553020508	TDS.01.1177	NGUYỄN MINH KIÊN	06/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	9.1	14	0.47	30.37	3
549	2553020509	TDS.01.1178	NGUYỄN QUỐC KIÊN	26/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	5.5	Vật lí	7.0	18	0.00	30.50	1
550	2553020510	TDS.01.1179	NGUYỄN TRUNG KIÊN	22/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.9	Vật lí	9.4	15.5	0.26	34.06	1
551	2553020511	TDS.01.1181	PHẠM TRUNG KIÊN	05/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	7.9	17.5	0.40	33.20	1
552	2553020512	TDS.01.1183	PHAN GIA KIÊN	26/03/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	5.8	Ngữ Văn	6.8	13	0.00	25.60	1
553	2553020513	TDS.01.1185	QUÁCH TUẤN KIÊN	11/11/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.9	Sinh học	9.3	15	0.29	33.49	3

TH
01
/

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
554	2553020514	TDS.01.1186	TRẦN MINH KIÊN	09/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.6	12	0.24	29.04	1
555	2553020515	TDS.01.1188	VƯƠNG LÊ TRUNG KIÊN	31/08/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.4	17.5	0.00	31.20	2
556	2553020516	TDS.01.1189	BỒ GIA KIẾT	25/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.7	Ngữ Văn	7.3	15.5	0.50	30.00	1
557	2553020517	TDS.01.1198	HỒ ANH KIẾT	15/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	7.5	18.5	0.48	32.58	2
558	2553020518	TDS.01.1199	HUỖNH GIA KIẾT	11/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	6.5	Ngữ Văn	6.5	18	0.25	31.25	1
559	2553020519	TDS.01.1200	HUỖNH TUẤN KIẾT	14/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	7.3	11	0.75	26.75	1
560	2553020520	TDS.01.3508	LÊ ANH KIẾT	04/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.3	Ngữ Văn	7.9	16.5	0.44	32.14	1
561	2553020521	TDS.01.1205	NGUYỄN ANH KIẾT	05/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.5	15.5	0.25	29.15	2
562	2553020522	TDS.01.1210	NGUYỄN QUỐC KIẾT	23/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.9	Ngữ Văn	8.1	17	0.43	32.43	1
563	2553020523	TDS.01.1211	NGUYỄN TUẤN KIẾT	08/09/2004	Nam	03d	3	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	9.6	20	0.61	38.31	2
564	2553020524	TDS.01.1213	NGUYỄN TUẤN KIẾT	14/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.1	17	0.00	32.20	2
565	2553020525	TDS.01.3520	PHAN TUẤN KIẾT	02/11/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.7	19.5	0.39	36.29	1
566	2553020526	TDS.01.1223	TRẦN ANH KIẾT	13/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.3	16.5	0.19	32.79	1
567	2553020527	TDS.01.1225	TRẦN GIA KIẾT	25/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.1	12	0.49	29.09	1
568	2553020528	TDS.01.1229	VÕ ANH KIẾT	14/04/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	5.8	Vật lí	6.7	12	0.75	25.25	1
569	2553020529	TDS.01.1230	VÕ HOÀI ANH KIẾT	04/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	4.7	Địa lí	8.5	14.5	0.25	27.95	1
570	2553020530	TDS.01.1233	NGUYỄN HỒNG KIM	22/02/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.7	19.5	0.19	34.39	1
571	2553020531	TDS.01.2795	CHĂM MÃI KỖTY	27/11/2007	Nam	06a	2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.4	19	1.06	35.26	1
572	2553020532	TDS.01.1239	NGUYỄN BẢO KỶ	19/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.8	Ngữ Văn	7.0	16	0.24	31.04	1
573	2553020533	TDS.01.1493	NGUYỄN HIỆU LẠC	31/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	7.9	16.5	0.42	32.42	4
574	2553020534	TDS.01.1494	NGUYỄN HOÀNG GIA LẠC	23/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.2	Địa lí	7.2	13	0.50	25.90	1
575	2553020535	TDS.01.1498	TRẦN GIA LẠC	20/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	9.7	Địa lí	9.4	11.5	0.17	30.77	2
576	2553020536	TDS.01.1506	NGUYỄN HOÀNG LÂM	09/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.9	Sinh học	7.5	16.5	0.42	32.32	1
577	2553020537	TDS.01.1516	VÕ NGỌC LÂM	01/01/2002	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	9.3	Vật lí	9.2	18	0.00	36.50	1
578	2553020538	TDS.01.1517	VÕ TẤN HẢI LÂM	04/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.9	18.5	0.32	34.82	2
579	2553020539	TDS.01.1519	HỒ NGỌC LÂN	13/03/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	9.6	17.5	0.00	35.10	1
580	2553020540	TDS.01.1521	ĐẶNG XUÂN LẬP	17/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.5	Vật lí	7.3	16	0.50	30.30	2
581	2553020541	TDS.01.1525	PHAN ĐẮC LỄ	28/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.8	18.5	0.00	34.60	1
582	2553020542	TDS.01.1528	BÙI THANH LIÊM	24/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.5	10	0.25	26.15	4
583	2553020543	TDS.01.1529	HUỖNH ĐỖ THANH LIÊM	28/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.7	Địa lí	8.3	14	0.40	31.40	1
584	2553020544	TDS.01.1531	LÊ THANH LIÊM	23/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.3	Vật lí	8.4	17	0.23	31.93	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
585	2553020545	TDS.01.1533	ĐOÀN THỊ BÍCH LIÊN	15/06/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	9.6	16.5	0.32	33.82	1
586	2553020546	TDS.01.1541	ĐINH PHI LINH	30/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	6.8	Vật lí	9.5	18	0.47	34.77	1
587	2553020547	TDS.01.1542	HÀ NGỌC LINH	15/10/2007	Nữ		3	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	6.7	18	0.00	31.90	2
588	2553020548	TDS.01.1547	LÊ QUANG LINH	20/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.8	Địa lí	9.0	16.5	0.33	33.63	1
589	2553020549	TDS.01.3482	NGUYỄN KHÁNH LINH	01/09/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.7	Địa lí	7.5	17	0.50	30.70	1
590	2553020550	TDS.01.1551	NGUYỄN QUỐC LINH	22/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.7	Địa lí	8.0	13.5	0.44	30.64	3
591	2553020551	TDS.01.1553	NGUYỄN THỊ CẨM LINH	01/11/2007	Nữ		1	406	HLTT	T04	Toán	5.9	Vật lí	8.4	15.5	0.75	30.55	1
592	2553020552	TDS.01.1554	NGUYỄN THỊ KIỆU LINH	12/12/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	4.8	Ngữ Văn	6.3	15	0.75	26.85	1
593	2553020553	TDS.01.1556	PHAN QUANG LINH	19/04/2005	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.6	17	0.00	31.30	1
594	2553020554	TDS.01.3469	TRẦN NHỰT LINH	18/08/2006	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	7.4	20	0.61	34.51	2
595	2553020555	TDS.01.1558	TRẦN THUY NGỌC LINH	23/03/2007	Nữ		3	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.0	18	0.00	33.70	3
596	2553020556	TDS.01.1563	TRƯƠNG HỒNG LĨNH	13/01/2001	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	7.6	17.5	0.00	31.60	1
597	2553020557	TDS.01.1561	TRẦN CÔNG LĨNH	24/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	7.2	17.5	0.47	32.17	3
598	2553020558	TDS.01.1564	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	20/05/2005	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	9.0	16.5	0.32	33.82	3
599	2553020559	TDS.01.1607	LÊ MINH LỘC	03/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.0	Vật lí	7.7	17	0.50	31.20	3
600	2553020560	TDS.01.1609	LÊ VĂN LỘC	20/03/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	9.0	16.5	0.28	34.28	1
601	2553020561	TDS.01.1620	PHAN QUỐC LỘC	25/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.5	17	0.40	34.90	1
602	2553020562	TDS.01.1622	TRẦN MINH LỘC	15/02/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.3	18.5	0.00	34.90	1
603	2553020563	TDS.01.1625	TRẦN TẤN LỘC	06/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	7.8	19	0.30	35.30	1
604	2553020564	TDS.01.1629	DIỆP VẠN LỢI	19/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.4	14.5	0.23	30.53	1
605	2553020565	TDS.01.1631	LÊ ĐẠI LỢI	27/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	6.9	Ngữ Văn	7.4	14	0.00	28.30	3
606	2553020566	TDS.01.1634	NGUYỄN THÁI LỢI	16/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.9	20	0.15	35.75	1
607	2553020567	TDS.01.1635	NGUYỄN THIÊN PHÚ LỢI	03/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	7.6	13	0.00	27.20	3
608	2553020568	TDS.01.1638	TRẦN MINH LỢI	10/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	7.8	14.5	0.24	30.24	1
609	2553020569	TDS.01.1639	TRẦN QUANG LỢI	09/10/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.4	17	0.00	31.20	1
610	2553020570	TDS.01.1641	TRẦN VẠN LỢI	24/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	7.9	17	0.18	33.38	2
611	2553020571	TDS.01.1642	TRƯƠNG THUẬN LỢI	04/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.6	Vật lí	6.5	12.5	0.50	26.10	2
612	2553020572	TDS.01.1643	TRƯƠNG VẠN LỢI	17/05/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.3	17	0.33	33.83	1
613	2553020573	TDS.01.1569	ĐỖ THÀNH LONG	09/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.3	12	0.25	27.75	1
614	2553020574	TDS.01.1574	HUỖNH THANH LONG	13/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.2	19.5	0.34	34.94	1
615	2553020575	TDS.01.1575	KỶ HỮU HUỖNH LONG	29/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.5	Ngữ Văn	8.1	16.5	0.50	30.60	1



Handwritten signature

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
616	2553020576	TDS.01.1577	LÊ HOÀNG GIA LONG	16/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.7	19	0.14	35.44	1
617	2553020577	TDS.01.1578	LÊ NHẤT THIÊN LONG	11/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.3	17	0.13	34.63	2
618	2553020578	TDS.01.1579	LÊ PHI LONG	27/07/2003	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	7.7	19	0.00	33.70	2
619	2553020579	TDS.01.3468	NGUYỄN BẢO LONG	25/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.5	19	0.71	33.11	1
620	2553020580	TDS.01.1583	NGUYỄN DUY HOÀNG LONG	05/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.4	Ngữ Văn	7.9	14	0.50	27.80	2
621	2553020581	TDS.01.1585	NGUYỄN HOÀNG SƠN LONG	14/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	7.6	17	0.39	32.99	2
622	2553020582	TDS.01.1586	NGUYỄN HUY BẢO LONG	19/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.6	18.5	0.23	32.63	2
623	2553020583	TDS.01.1588	NGUYỄN NHƯ LONG	30/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	5.8	Ngữ Văn	6.7	15	0.25	27.75	1
624	2553020584	TDS.01.1592	PHẠM DUY LONG	16/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	7.9	11	0.50	28.00	4
625	2553020585	TDS.01.1594	PHẠM HOÀNG LONG	25/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.3	16.5	0.46	31.76	3
626	2553020586	TDS.01.1596	PHAN HỮU LONG	17/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	9.2	11.5	0.00	29.00	1
627	2553020587	TDS.01.1601	TRẦN MINH GIA LONG	05/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.3	Địa lí	7.6	17	0.25	30.15	1
628	2553020588	TDS.01.1646	ĐẶNG HOÀNG LUÂN	06/04/2005	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	9.6	Địa lí	8.3	19.5	0.00	37.40	1
629	2553020589	TDS.01.1648	ĐỖ MINH LUÂN	20/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.9	Vật lí	9.6	16	0.37	32.87	4
630	2553020590	TDS.01.3506	LÊ VŨ LUÂN	27/11/2006	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.3	18	0.54	34.14	1
631	2553020591	TDS.01.1649	NGUYỄN BÁ LUÂN	19/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	4.3	Vật lí	7.0	16	0.25	27.55	1
632	2553020592	TDS.01.1654	NGUYỄN THÀNH LUÂN	10/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	7.2	16	0.50	30.20	1
633	2553020593	TDS.01.1658	THI TIẾN LUẬT	15/07/2007	Nam		1	405	HLTT	T01	Toán	6	Ngữ Văn	7.25	16.5	0.75	30.50	1
634	2553020594	TDS.01.3453	LÂM VĂN LŨY	26/10/2006	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	9.2	11.5	2.75	30.75	2
635	2553020595	TDS.01.1662	TRẦN HOÀNG LUYẾN	16/11/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.2	18.5	0.62	33.72	1
636	2553020596	TDS.01.1664	HÌNH CẨM LY	21/04/2006	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	9.3	20	0.00	38.10	1
637	2553020597	TDS.01.1665	HOÀNG KHÁNH LY	22/01/2007	Nữ		3	406	HLTT	T00	Toán	9.3	Sinh học	9.4	20	0.00	38.70	1
638	2553020598	TDS.01.1667	LÊ PHƯƠNG TRÚC LY	25/04/2007	Nữ	06a	3	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	9.2	18	0.51	35.71	1
639	2553020599	TDS.01.1670	PHẠM THỊ TRÚC LY	17/02/2007	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.6	17	0.00	33.20	8
640	2553020600	TDS.01.1671	TRẦN TRÚC LY	13/05/2006	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	8.6	17	0.15	34.15	2
641	2553020601	TDS.01.1691	NGUYỄN QUỐC MÃN	22/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.2	17	0.18	33.18	1
642	2553020602	TDS.01.1681	HOÀNG VĂN MẠNH	01/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.8	10.5	0.25	25.65	2
643	2553020603	TDS.01.1683	NGUYỄN DUY MẠNH	04/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.2	15	0.00	31.00	2
644	2553020604	TDS.01.1686	PHAN DUY MẠNH	09/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.8	17	0.27	34.67	2
645	2553020605	TDS.01.1696	LẠI THỊ TRÀ MI	24/05/2007	Nữ		3	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.8	20	0.00	36.90	1
646	2553020606	TDS.01.1698	NGUYỄN XU MIL	22/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.2	12.5	0.42	30.32	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
647	2553020607	TDS.01.1708	HỒ NHỰT MINH	25/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	7.9	15.5	0.48	30.98	1
648	2553020608	TDS.01.1709	HUỶNH HIẾU MINH	19/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.9	Sinh học	7.9	12.5	0.50	26.80	1
649	2553020609	TDS.01.1711	HUỶNH TIẾN ANH MINH	22/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	9.0	19	0.29	36.89	1
650	2553020610	TDS.01.1719	NGUYỄN HOÀNG MINH	16/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.8	Sinh học	6.7	19	0.50	32.00	1
651	2553020611	TDS.01.1721	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN MINH	17/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.6	18	0.11	35.71	10
652	2553020612	TDS.01.1723	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG MINH	19/11/2006	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.0	Vật lí	9.0	16.5	0.00	32.50	2
653	2553020613	TDS.01.1724	NGUYỄN NHẬT MINH	29/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.7	Sinh học	8.7	15	0.17	32.57	1
654	2553020614	TDS.01.1726	NGUYỄN VIỆT DUY MINH	17/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	8.4	14.5	0.50	28.40	1
655	2553020615	TDS.01.1729	PHẠM LÊ KHÁNH MINH	01/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.4	20	0.23	36.83	1
656	2553020616	TDS.01.3438	PHẠM QUỐC MINH	10/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.3	11.5	0.00	26.30	1
657	2553020617	TDS.01.1732	TRẦN CÔNG MINH	02/10/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.8	Sinh học	9.1	19.5	0.08	37.48	1
658	2553020618	TDS.01.1734	TRẦN TẤN MINH	21/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.5	12.5	0.50	28.20	1
659	2553020619	TDS.01.1735	TRIỆU CÔNG MINH	05/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.9	17.5	0.20	33.10	1
660	2553020620	TDS.01.1739	VŨ TRẦN TIẾN MINH	16/01/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	5.5	Ngữ Văn	7.2	17	0.00	29.70	1
661	2553020621	TDS.01.1744	ĐINH THỊ HỒ MY	12/06/2007	Nữ	01	1	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	8.0	18	1.69	36.09	3
662	2553020622	TDS.01.1748	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	16/01/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	9.8	15	0.37	32.37	1
663	2553020623	TDS.01.1760	ĐINH HẢI NAM	13/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.3	18	0.00	33.80	2
664	2553020624	TDS.01.1761	ĐOÀN HUY NAM	26/01/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.7	13	0.25	28.35	1
665	2553020625	TDS.01.1756	DƯƠNG NGUYỄN THÀNH NAM	01/08/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	6.3	12	0.00	24.60	1
666	2553020626	TDS.01.1765	LÃ DUY NAM	16/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	7.8	18	0.18	33.68	3
667	2553020627	TDS.01.1769	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG NAM	25/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.0	16.5	0.50	30.20	2
668	2553020628	TDS.01.1770	NGUYỄN HOÀNG NAM	03/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.5	15.5	0.38	32.38	1
669	2553020629	TDS.01.1771	NGUYỄN HOÀNG NHẬT NAM	09/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	7.5	19	0.35	34.55	3
670	2553020630	TDS.01.1773	NGUYỄN NGỌC HỒ NAM	23/03/2006	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	6.0	Vật lí	5.9	10	0.00	21.90	1
671	2553020631	TDS.01.1779	NGUYỄN THÀNH NAM	04/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.4	Sinh học	8.3	16.5	0.24	31.44	2
672	2553020632	TDS.01.3500	NGUYỄN TRUNG NAM	22/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.6	Địa lí	6.9	20	0.25	32.75	1
673	2553020633	TDS.01.1782	NGUYỄN VĂN NAM	03/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	8.6	11	0.50	27.30	1
674	2553020634	TDS.01.1783	NGUYỄN VĂN NAM	15/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.6	20	0.00	33.50	1
675	2553020635	TDS.01.1787	THÁI QUỐC NAM	04/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.8	14	0.24	30.04	1
676	2553020636	TDS.01.1791	TRẦN HOÀNG NAM	05/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	5.5	Ngữ Văn	7.3	16	0.25	29.05	2
677	2553020637	TDS.01.1792	TRẦN NGỌC NAM	15/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.7	Địa lí	7.4	18.5	0.25	31.85	2

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
678	2553020638	TDS.01.1795	TRẦN THẾ NAM	23/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	7.1	19	0.21	33.31	1
679	2553020639	TDS.01.1808	MANG THỊ EM NGA	02/11/2007	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.7	15.5	0.18	32.48	1
680	2553020640	TDS.01.1810	NGUYỄN NGỌC THÚY NGA	13/10/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.2	Sinh học	7.4	17	0.39	32.99	2
681	2553020641	TDS.01.1809	NÔNG THỊ NGA	07/04/2006	Nữ	06a	2	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.6	20	1.05	34.75	2
682	2553020642	TDS.01.1812	NGUYỄN TRẦN NGỌC NGÀ	18/06/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	7.6	13	0.50	29.40	2
683	2553020643	TDS.01.1817	HUỶNH KIM NGÂN	26/07/2007	Nữ		3	406	HLTT	T01	Toán	6.5	Ngữ Văn	8.0	18	0.00	32.50	1
684	2553020644	TDS.01.1818	HUỶNH NGUYỄN HOÀNG NGÂN	08/12/2007	Nữ	06a	3	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	9.4	18	0.64	34.84	3
685	2553020645	TDS.01.1820	LÊ THỊ KIM NGÂN	18/12/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.2	Sinh học	8.1	14.5	0.50	29.30	3
686	2553020646	TDS.01.1822	NGÔ PHƯƠNG HỒNG NGÂN	27/10/2006	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	6.1	Vật lí	7.5	20	0.21	33.81	1
687	2553020647	TDS.01.1823	NGUYỄN BẢO NGÂN	28/05/2007	Nữ		3	406	HLTT	T01	Toán	7.6	Ngữ Văn	7.8	18.5	0.00	33.90	2
688	2553020648	TDS.01.1825	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	22/03/2005	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.5	17.5	0.00	33.00	2
689	2553020649	TDS.01.1826	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	08/05/2007	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	9.6	Sinh học	8.9	18	0.08	36.58	3
690	2553020650	TDS.01.1828	PHẠM YẾN NGÂN	20/09/0007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.0	19	0.19	34.09	2
691	2553020651	TDS.01.1831	SÔNG THỊ KIM NGÂN	31/01/2006	Nữ	06a	3	406	HLTT	T06	Toán	9.5	Địa lí	9.1	20	0.19	38.79	1
692	2553020652	TDS.01.1833	VÕ THỊ THÚY NGÂN	11/09/2003	Nữ		3	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.4	18	0.00	33.80	2
693	2553020653	TDS.01.1835	PHAN THÀNH NGHI	06/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.0	17.5	0.43	32.73	1
694	2553020654	TDS.01.1838	VŨ NGỌC XUÂN NGHI	26/12/2006	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	7.7	18	0.00	32.60	1
695	2553020655	TDS.01.1841	ĐỖ HOÀNG NGHĨA	03/07/2006	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.9	20	0.00	37.50	1
696	2553020656	TDS.01.1847	NGUYỄN HUỶNH TRỌNG NGHĨA	18/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.8	11	0.25	25.85	1
697	2553020657	TDS.01.1854	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	28/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.7	20	0.16	35.36	1
698	2553020658	TDS.01.1855	PHẠM KHẮC NGHĨA	04/02/2006	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.0	20	0.00	34.80	1
699	2553020659	TDS.01.1858	PHẠM TRỌNG NGHĨA	04/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	9.0	18	0.34	35.94	3
700	2553020660	TDS.01.1865	NGÔ ĐẶNG GIA NGHIÊM	21/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.8	Địa lí	7.8	10	0.50	24.10	2
701	2553020661	TDS.01.1866	NGUYỄN MINH NGHIÊM	24/08/2004	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.2	17.5	0.00	32.30	1
702	2553020662	TDS.01.1867	VŨ ĐÌNH NGHIÊM	29/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.5	Ngữ Văn	6.2	12	0.50	24.20	2
703	2553020663	TDS.01.1872	ĐÌNH THỊ BẢO NGỌC	21/04/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.9	Ngữ Văn	8.5	14	0.37	31.77	1
704	2553020664	TDS.01.1874	HỒ NHƯ NGỌC	03/09/2007	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	8.9	Vật lí	8.9	14	0.17	31.97	3
705	2553020665	TDS.01.1880	NGUYỄN MINH NGỌC	29/08/2007	Nữ		2	406	HLTT	T01	Toán	9.0	Ngữ Văn	7.1	19.5	0.14	35.74	3
706	2553020666	TDS.01.1883	NGUYỄN XUÂN NGỌC	02/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	7.1	18.5	0.60	33.90	2
707	2553020667	TDS.01.1885	PHAN NGUYỄN TÚ NGỌC	28/10/2007	Nữ		1	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	9.1	16.5	0.53	33.53	3
708	2553020668	TDS.01.1886	PHAN THANH NGỌC	03/02/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	8.1	12	0.00	27.10	1

110 / 11
H. C. N. / 11

382

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
709	2553020669	TDS.01.1891	VÕ YẾN NGỌC	13/10/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	7.2	Ngữ Văn	6.3	18	0.75	32.25	1
710	2553020670	TDS.01.1895	BÙI QUANG NGUYỄN	20/10/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.4	Vật lí	8.4	17.5	0.30	34.60	1
711	2553020671	TDS.01.1898	ĐÀO NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	25/02/2004	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	6.5	14	0.00	26.80	1
712	2553020672	TDS.01.1903	ĐỖ THANH NGUYỄN	18/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.3	Ngữ Văn	7.3	12	0.50	26.10	1
713	2553020673	TDS.01.1904	HUỖNH CHÍ NGUYỄN	14/07/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.0	20	0.00	33.60	1
714	2553020674	TDS.01.1906	LÂM DIỆP CHÍ NGUYỄN	10/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	9.0	Vật lí	9.2	20	0.06	38.26	1
715	2553020675	TDS.01.1907	LÊ NGUYỄN HUY NGUYỄN	31/03/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.7	16	0.27	34.17	1
716	2553020676	TDS.01.1910	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	20/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.2	Sinh học	6.4	16	0.50	28.10	1
717	2553020677	TDS.01.1911	NGUYỄN KHANG NGUYỄN	14/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	9.1	15	0.42	31.62	1
718	2553020678	TDS.01.1913	NGUYỄN LÊ CHÍ NGUYỄN	12/02/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.4	18	0.00	34.60	3
719	2553020679	TDS.01.1916	NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	04/08/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	9.4	13.5	0.00	31.80	2
720	2553020680	TDS.01.1919	NGUYỄN THÁI NGUYỄN	23/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	7.5	17.5	0.22	32.42	1
721	2553020681	TDS.01.1922	PHAN TRẦN TẤN NGUYỄN	14/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	6.3	Ngữ Văn	7.3	11.5	0.25	25.35	1
722	2553020682	TDS.01.1925	TANG VÒNG KỶ NGUYỄN	01/12/2007	Nam	06a	3	406	HLTT	T00	Toán	8.3	Sinh học	9.4	16.5	0.54	34.74	2
723	2553020683	TDS.01.1927	THÂN TRỌNG NGUYỄN	25/08/2006	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.1	16.5	0.63	32.63	1
724	2553020684	TDS.01.1928	TRẦN CAO NGUYỄN	19/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	6.7	18	0.45	32.65	1
725	2553020685	TDS.01.1930	TRỊNH LÊ GIA NGUYỄN	09/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.7	16	0.38	32.68	2
726	2553020686	TDS.01.1937	TRẦN VĂN NGUYỄN	29/03/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	7.9	13.5	0.73	30.23	2
727	2553020687	TDS.01.1938	TRƯƠNG CHÍ NGUYỄN	24/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.9	Ngữ Văn	7.1	15	0.50	28.50	1
728	2553020688	TDS.01.1940	PHẠM ÁNH NGUYỆT	13/07/2007	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	6.8	16	0.25	30.15	1
729	2553020689	TDS.01.1941	LÂM TRẦN PANH NHA	13/08/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T01	Toán	5.1	Ngữ Văn	6.9	18	2.75	32.75	1
730	2553020690	TDS.01.1942	NGUYỄN THANH NHÃ	17/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.2	Ngữ Văn	8.2	12.5	0.50	28.40	1
731	2553020691	TDS.01.1946	BIỆN THẾ HỮU NHÂN	13/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.6	Vật lí	8.6	16.5	0.30	34.00	1
732	2553020692	TDS.01.1952	LÊ NGUYỄN THIÊN NHÂN	25/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.9	13	0.50	29.20	1
733	2553020693	TDS.01.1953	LÊ THỊ MINH NHÂN	17/01/2007	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.6	17.5	0.23	32.03	2
734	2553020694	TDS.01.1956	LÊ VŨ HOÀNG NHÂN	30/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	7.4	19	0.18	34.28	1
735	2553020695	TDS.01.1966	NGUYỄN THÀNH NHÂN	14/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.5	Vật lí	7.9	17	0.24	31.64	1
736	2553020696	TDS.01.1967	NGUYỄN THÀNH NHÂN	17/05/2005	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	5.9	Sinh học	6.3	20	0.25	32.45	1
737	2553020697	TDS.01.1968	NGUYỄN THIÊN NHÂN	13/12/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.7	11	0.75	28.35	1
738	2553020698	TDS.01.1974	PHẠM NGUYỄN BẢO NHÂN	15/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	9.0	14	0.37	31.87	1
739	2553020699	TDS.01.1976	PHAN MINH NHÂN	14/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	8.5	17	0.46	32.06	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
740	2553020700	TDS.01.1983	HỒ HUỖNH DUY NHẢN	26/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	8.0	16.5	0.21	32.21	1
741	2553020701	TDS.01.1945	ĐẶNG MAI NHẬN	26/07/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	7.8	17	0.40	32.90	1
742	2553020702	TDS.01.1985	ĐẶNG PHẠM THÀNH NHẬT	19/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.9	19	0.31	36.71	1
743	2553020703	TDS.01.1989	NGUYỄN HOÀNG THANH NHẬT	05/01/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	8.4	13	0.00	29.80	1
744	2553020704	TDS.01.1993	NGUYỄN MINH NHẬT	09/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.7	Sinh học	8.3	15.5	0.50	30.00	1
745	2553020705	TDS.01.1998	NGUYỄN VĂN HOÀNG NHẬT	08/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.6	18	0.23	32.43	3
746	2553020706	TDS.01.2006	VÕ MINH NHẬT	19/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.5	11	0.50	27.80	1
747	2553020707	TDS.01.2008	PHAN TRẦN THANH NHỆ	28/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.0	19	0.26	35.86	1
748	2553020708	TDS.01.2011	HUỖNH THỊ YẾN NHI	19/02/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	7.8	13	0.49	29.69	1
749	2553020709	TDS.01.3444	LÊ NGỌC NHI	13/08/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	8.0	19	0.55	34.55	3
750	2553020710	TDS.01.2012	LÊ NGỌC TUYẾT NHI	27/02/2007	Nữ		3	406	HLTT	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.8	18	0.00	35.30	5
751	2553020711	TDS.01.2014	LÊ YẾN NHI	17/06/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	8.4	Ngữ Văn	8.5	17.5	0.44	34.84	1
752	2553020712	TDS.01.2015	LÊ YẾN NHI	21/07/2007	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.8	19	0.00	34.30	1
753	2553020713	TDS.01.2018	NGUYỄN LÊ TUYẾT NHI	21/05/2007	Nữ		3	406	HLTT	T04	Toán	9.4	Vật lí	9.6	20	0.00	39.00	1
754	2553020714	TDS.01.2019	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN NHI	05/11/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.5	15.5	0.15	33.35	2
755	2553020715	TDS.01.2020	NGUYỄN THẢO NHI	14/02/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	7.6	15.5	0.50	30.60	3
756	2553020716	TDS.01.2021	NGUYỄN THỊ TRÚC NHI	22/01/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	8.3	10.5	0.25	25.15	1
757	2553020717	TDS.01.2025	PHẠM NGUYỆT NHI	13/11/2007	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.4	19.5	0.17	34.87	1
758	2553020718	TDS.01.2026	PHÙNG NGUYỄN UYÊN NHI	02/01/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	9.3	Sinh học	9.0	10	0.45	28.75	2
759	2553020719	TDS.01.2028	TẶNG NGỌC YẾN NHI	08/06/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.8	17	0.33	33.83	11
760	2553020720	TDS.01.2037	LÊ QUỐC NHƯ	10/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.4	Địa lí	7.6	19.5	0.48	32.98	3
761	2553020721	TDS.01.2046	HỒ HUỖNH NHƯ	09/06/2006	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.2	Ngữ Văn	6.3	15	0.50	27.00	1
762	2553020722	TDS.01.2049	MAI THỊ NHƯ	19/12/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	6.7	18	0.73	32.43	2
763	2553020723	TDS.01.2053	NGUYỄN NGỌC NHƯ	18/12/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	7.5	15.5	0.75	30.65	1
764	2553020724	TDS.01.2054	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	11/11/2007	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	7.1	Vật lí	8.4	18	0.18	33.68	2
765	2553020725	TDS.01.2055	NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ	15/06/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.7	Sinh học	8.3	19.5	0.22	36.72	1
766	2553020726	TDS.01.2056	PHẠM THỊ NHƯ	19/10/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.3	16	0.41	32.21	3
767	2553020727	TDS.01.2057	TEK KỶ BẢO NHƯ	15/04/2006	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	8.6	20	0.18	34.68	4
768	2553020728	TDS.01.2058	TRẦN THỊ TỔ NHƯ	17/06/2006	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.7	20	0.11	36.71	1
769	2553020729	TDS.01.2039	NGUYỄN HOÀNG CẨM NHUNG	22/09/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	9.2	19	0.18	36.98	1
770	2553020730	TDS.01.2042	TRẦN PHƯƠNG NHUNG	21/03/2007	Nữ		1	405	HLTT	T01	Toán	4.75	Ngữ Văn	8.25	17.5	0.75	31.25	2



182

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
771	2553020731	TDS.01.2044	TRỊNH THỊ TUYẾT NHUNG	06/01/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	4.5	Địa lí	6.7	18	0.75	29.95	1
772	2553020732	TDS.01.2059	BÀNH MINH NHỰT	09/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	7.0	19	0.39	34.09	1
773	2553020733	TDS.01.2061	ĐẶNG MINH NHỰT	05/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.6	Vật lí	8.5	17	0.29	34.39	1
774	2553020734	TDS.01.2064	NGUYỄN LÊ LONG NHỰT	19/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.8	16	0.19	32.49	1
775	2553020735	TDS.01.2065	NGUYỄN MINH NHỰT	02/11/2005	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.6	17.5	0.00	33.10	1
776	2553020736	TDS.01.2068	PHAN MINH NHỰT	14/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.2	17	0.43	32.43	2
777	2553020737	TDS.01.2070	TRẦN MINH NHỰT	15/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.3	18	0.43	35.13	2
778	2553020738	TDS.01.2071	TRẦN MINH NHỰT	28/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	4.8	Địa lí	6.9	18.5	0.50	30.70	1
779	2553020739	TDS.01.1803	BÙI NGỌC AN NINH	03/12/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	9.4	Sinh học	9.7	19	0.09	38.19	1
780	2553020740	TDS.01.2074	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	17/05/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	9.3	17	0.29	34.49	2
781	2553020741	TDS.01.2089	ĐỖ PHÚC THỊNH PHÁT	19/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.3	16	0.50	29.70	1
782	2553020742	TDS.01.2090	ĐỖ THÀNH PHÁT	08/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	6.5	Ngữ Văn	6.8	19	0.24	32.54	1
783	2553020743	TDS.01.2087	ĐOÀN TẤN PHÁT	30/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	9.7	16	0.11	34.71	1
784	2553020744	TDS.01.2091	ĐÔNG TUẤN PHÁT	11/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.0	20	0.25	36.55	1
785	2553020745	TDS.01.2094	HUỲNH HÀO PHÁT	25/04/2006	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.8	20	0.00	36.90	1
786	2553020746	TDS.01.2096	HUỲNH TẤN PHÁT	09/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	6.7	10	0.50	23.80	1
787	2553020747	TDS.01.2100	KIỀU TẤN PHÁT	25/07/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	9.1	11.5	0.00	27.40	1
788	2553020748	TDS.01.2105	LÊ TIẾN PHÁT	31/07/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.5	15	0.47	30.87	2
789	2553020749	TDS.01.2110	NGUYỄN BẢO PHÁT	19/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.4	Ngữ Văn	8.4	14.5	0.23	30.53	1
790	2553020750	TDS.01.2117	NGUYỄN NGUYỄN PHÁT	01/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	6.9	19	0.21	33.41	1
791	2553020751	TDS.01.2118	NGUYỄN PHAN HOÀNG PHÁT	13/11/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	6.9	15.5	0.25	29.45	1
792	2553020752	TDS.01.2121	NGUYỄN TẤN PHÁT	17/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.2	Sinh học	6.7	11.5	0.50	24.90	1
793	2553020753	TDS.01.2124	NGUYỄN TẤN PHÁT	25/11/2002	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.4	Sinh học	6.8	20	0.00	33.20	1
794	2553020754	TDS.01.2125	NGUYỄN TẤN PHÁT	27/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.1	16	0.36	32.96	1
795	2553020755	TDS.01.2126	NGUYỄN TẤN PHÁT	09/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	6.9	16.5	0.25	30.55	1
796	2553020756	TDS.01.2128	NGUYỄN THÀNH PHÁT	17/01/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	9.4	Vật lí	9.4	15	0.25	34.05	1
797	2553020757	TDS.01.2129	NGUYỄN THÀNH PHÁT	27/07/2006	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.8	Sinh học	9.0	20	0.00	37.80	1
798	2553020758	TDS.01.2131	NGUYỄN VŨ TẤN PHÁT	18/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	6.5	17	0.25	29.75	1
799	2553020759	TDS.01.2134	PHAN HUY PHÁT	19/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.4	Vật lí	7.5	16	0.50	30.40	4
800	2553020760	TDS.01.2135	PHÙNG NHẬT PHÁT	13/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	8.2	Vật lí	7.6	19	0.47	35.27	3
801	2553020761	TDS.01.2143	VĂN CÔNG PHÁT	05/11/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.7	Ngữ Văn	7.0	20	0.49	33.19	1

11/10/11
CH 1/11

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
802	2553020762	TDS.01.2147	VŨ TIẾN PHÁT	15/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.4	Địa lí	6.8	12	0.50	24.70	1
803	2553020763	TDS.01.2148	HỒ KHẮC TRƯƠNG PHI	26/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.0	16	0.60	32.60	1
804	2553020764	TDS.01.2149	LÊ ĐĂNG PHI	09/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.9	Vật lí	6.9	12	0.50	26.30	1
805	2553020765	TDS.01.2152	NGUYỄN HOÀNG PHI	09/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.0	Sinh học	7.6	16.5	0.25	30.35	1
806	2553020766	TDS.01.2153	NGUYỄN THANH PHI	13/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	8.0	Ngữ Văn	6.8	19	0.57	34.37	1
807	2553020767	TDS.01.2155	NGUYỄN YẾN PHI	02/05/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	9.2	Sinh học	9.3	16	0.23	34.73	3
808	2553020768	TDS.01.3498	ĐẬU THANH PHONG	06/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.0	17.5	0.50	31.70	1
809	2553020769	TDS.01.2162	HỒ NGUYỄN NHỰT PHONG	24/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	8.6	19	0.20	36.70	2
810	2553020770	TDS.01.2164	LÊ HỒ PHONG	20/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	7.7	14	0.72	30.52	1
811	2553020771	TDS.01.2165	LÊ NHẬT PHONG	12/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.0	13	0.00	27.90	1
812	2553020772	TDS.01.2166	LÊ THÁI THANH PHONG	19/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.2	20	0.18	34.78	1
813	2553020773	TDS.01.2167	LÊ THỊ THANH PHONG	16/12/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.5	16	0.44	31.84	1
814	2553020774	TDS.01.2169	LƯU NHỰT PHONG	16/04/2004	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	9.0	11	0.00	26.60	2
815	2553020775	TDS.01.3454	NGÔ THANH PHONG	12/03/2007	Nam		2	405	HLTT	T01	Toán	5.75	Ngữ Văn	6.0	17.5	0.25	29.50	4
816	2553020776	TDS.01.2173	NGUYỄN THANH PHONG	13/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.1	Vật lí	7.0	17	0.49	31.59	2
817	2553020777	TDS.01.3457	NGUYỄN THANH PHONG	14/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	6.9	18.5	0.00	32.00	2
818	2553020778	TDS.01.3509	NGUYỄN VĂN PHONG	18/08/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.0	Vật lí	8.2	15	0.49	30.69	1
819	2553020779	TDS.01.2175	PHAN HOÀI PHONG	30/03/2006	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	9.0	10.5	0.75	28.25	2
820	2553020780	TDS.01.2176	TRẦN GIA PHONG	29/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.9	12.5	0.25	28.75	1
821	2553020781	TDS.01.2179	CAO MINH PHÚ	18/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.6	20	0.36	34.96	1
822	2553020782	TDS.01.2183	ĐẶNG HOÀNG PHÚ	07/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.7	Vật lí	8.9	17.5	0.24	35.34	1
823	2553020783	TDS.01.2191	NGUYỄN THANH PHÚ	04/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	9.0	Vật lí	9.0	18	0.10	36.10	1
824	2553020784	TDS.01.2193	NGUYỄN THIÊN PHÚ	30/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.8	17.5	0.29	34.69	2
825	2553020785	TDS.01.2194	PHẠM MINH PHÚ	07/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.0	16	0.75	30.05	1
826	2553020786	TDS.01.2195	PHẠM QUANG PHÚ	03/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.5	11.5	0.50	27.90	3
827	2553020787	TDS.01.2198	TRẦN MẠNH PHÚ	06/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.1	13	0.50	26.60	1
828	2553020788	TDS.01.2201	TRƯƠNG HOÀNG GIA PHÚ	14/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	6.9	16	0.50	29.80	1
829	2553020789	TDS.01.2202	VÕ PHONG PHÚ	18/09/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.4	15	0.00	31.50	1
830	2553020790	TDS.01.2209	ĐINH HOÀNG PHÚC	23/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	6.8	Ngữ Văn	6.9	15	0.75	29.45	1
831	2553020791	TDS.01.2213	ĐỖ HOÀNG PHÚC	30/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.5	15	0.43	31.53	2
832	2553020792	TDS.01.2214	ĐỖ HUỲNH TRỌNG PHÚC	26/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.2	Ngữ Văn	8.3	11	0.50	27.00	1

11/10/2024
H. C. O. P. M.
11

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
833	2553020793	TDS.01.2219	HỒ NGỌC HOÀNG PHÚC	27/07/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.3	19.5	0.00	36.30	1
834	2553020794	TDS.01.2215	HOÀNG NGỌC PHÚC	06/02/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.3	15.5	0.00	31.70	1
835	2553020795	TDS.01.2216	HOÀNG THIÊN PHÚC	12/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.7	19	0.14	35.34	3
836	2553020796	TDS.01.2217	HOÀNG VĂN ĐẠI PHÚC	21/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.2	Ngữ Văn	6.9	14.5	0.50	28.10	1
837	2553020797	TDS.01.2220	HUỲNH VĨNH PHÚC	22/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	8.9	10	0.50	26.90	1
838	2553020798	TDS.01.2223	LÊ HOÀNG PHÚC	10/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.6	17	0.16	33.86	1
839	2553020799	TDS.01.2228	LÊ TRẦN GIA PHÚC	18/12/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	7.3	16	0.72	31.52	2
840	2553020800	TDS.01.2233	LƯƠNG TRỌNG PHÚC	27/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.1	15	0.21	31.41	1
841	2553020801	TDS.01.2237	NGÔ VIỆT PHÚC	27/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	6.3	17.5	0.50	30.60	1
842	2553020802	TDS.01.2242	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	22/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	9.0	12.5	0.41	30.51	2
843	2553020803	TDS.01.2250	NGUYỄN MINH PHÚC	12/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.1	Vật lí	7.7	17.5	0.22	32.52	1
844	2553020804	TDS.01.2257	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	10/03/2006	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.9	15.5	0.54	32.94	1
845	2553020805	TDS.01.2253	NGUYỄN TUẤN PHÚC	22/02/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	5.6	Ngữ Văn	7.2	19.5	0.00	32.30	1
846	2553020806	TDS.01.2261	PHẠM GIA PHÚC	03/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.4	Ngữ Văn	7.3	13.5	0.50	27.70	3
847	2553020807	TDS.01.2263	TẶNG VĨNH PHÚC	25/11/2005	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.4	16	0.00	30.70	2
848	2553020808	TDS.01.2271	LÊ THỊ Y PHỤNG	02/09/2006	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.6	17.5	0.30	34.50	2
849	2553020809	TDS.01.2278	LÊ HỮU PHƯỚC	05/09/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.9	Vật lí	9.0	16.5	0.00	34.40	4
850	2553020810	TDS.01.2283	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	05/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.9	Vật lí	7.2	15.5	0.25	29.85	1
851	2553020811	TDS.01.2286	PHAN KHẮC THANH PHƯỚC	06/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.0	17.5	0.19	33.39	1
852	2553020812	TDS.01.2287	THÁI THIÊN PHƯỚC	02/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.3	16	0.42	32.12	4
853	2553020813	TDS.01.2288	TRẦN HỮU PHƯỚC	10/04/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	4.2	Ngữ Văn	6.0	12.5	0.75	23.45	1
854	2553020814	TDS.01.2290	ĐỖ LÊ THÀNH PHƯƠNG	17/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	9.1	Vật lí	8.7	15.5	0.15	33.45	1
855	2553020815	TDS.01.2294	LÊ ĐỒNG PHƯƠNG	22/03/2007	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.4	Vật lí	8.8	16	0.00	33.20	1
856	2553020816	TDS.01.2296	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	01/03/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.0	20	0.43	36.13	1
857	2553020817	TDS.01.2302	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	11/01/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.3	15.5	0.43	31.73	4
858	2553020818	TDS.01.2306	PHẠM NGỌC HỮU PHƯƠNG	30/01/2007	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.6	18	0.00	34.70	2
859	2553020819	TDS.01.2308	TRẦN VŨ MAI PHƯƠNG	05/09/2006	Nữ		3	406	HLTT	T04	Toán	6.5	Vật lí	8.8	17	0.00	32.30	1
860	2553020820	TDS.01.2310	VŨ MINH PHƯƠNG	23/03/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.1	16.5	0.42	32.42	3
861	2553020821	TDS.01.2076	RỖ YÔNG KA PRIN	08/02/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	7.7	20	2.68	35.38	1
862	2553020822	TDS.01.2335	BÙI TRUNG QUÂN	19/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.2	Ngữ Văn	7.5	12.5	0.25	27.45	1
863	2553020823	TDS.01.2337	CAO NGUYỄN HOÀNG QUÂN	20/09/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	7.7	12.5	0.00	28.50	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
864	2553020824	TDS.01.2340	ĐẶNG HOÀI QUÂN	17/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.9	18	0.00	35.10	1
865	2553020825	TDS.01.2339	DƯƠNG HOÀI ANH QUÂN	18/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	6.7	13	0.75	27.85	3
866	2553020826	TDS.01.2345	HỒ MINH QUÂN	15/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	9.2	Ngữ Văn	8.8	10	0.47	28.47	2
867	2553020827	TDS.01.2347	LÊ ANH QUÂN	26/10/2004	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.8	17	0.00	31.50	4
868	2553020828	TDS.01.2349	NGUYỄN BÁ QUÂN	08/08/2003	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.8	17	0.00	34.00	1
869	2553020829	TDS.01.2362	PHẠM LA QUÂN	28/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	6.9	14.5	0.25	29.45	2
870	2553020830	TDS.01.2365	THÁI TRƯỞNG MINH QUÂN	08/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	9.2	18	0.11	35.91	2
871	2553020831	TDS.01.2367	TRẦN VÕ KHÁNH QUÂN	11/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	4.9	Vật lí	6.9	15.5	0.50	27.80	1
872	2553020832	TDS.01.2318	HUỖNH NHẬT QUANG	25/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.1	16	0.37	32.77	2
873	2553020833	TDS.01.2319	LÂM NHẬT QUANG	24/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	6.9	Vật lí	7.9	18	0.62	33.42	3
874	2553020834	TDS.01.2322	NGUYỄN HUY QUANG	26/08/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.5	13	0.00	30.10	3
875	2553020835	TDS.01.2326	NGUYỄN THÀNH QUANG	23/09/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	8.2	18	0.35	34.05	1
876	2553020836	TDS.01.2328	PHẠM DUY QUANG	21/08/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	9.5	14	0.00	32.30	1
877	2553020837	TDS.01.2331	PHẠM XUÂN QUANG	10/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.4	Vật lí	7.0	17	0.50	30.90	1
878	2553020838	TDS.01.2371	TRỊ HỮU QUI	24/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.2	15.5	0.33	33.13	1
879	2553020839	TDS.01.2373	ĐOÀN PHÚ QUỐC	11/05/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.2	13.5	0.00	29.90	1
880	2553020840	TDS.01.2375	HÀ MINH QUỐC	13/04/2006	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	6.9	Ngữ Văn	7.5	18.5	0.21	33.11	1
881	2553020841	TDS.01.2379	NGUYỄN ANH QUỐC	17/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.7	18	0.22	32.62	1
882	2553020842	TDS.01.2380	NGUYỄN THANH QUỐC	22/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.6	Ngữ Văn	6.3	16.5	0.50	30.90	1
883	2553020843	TDS.01.2381	PHAN ANH QUỐC	07/08/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	9.6	Vật lí	9.4	12	0.00	31.00	3
884	2553020844	TDS.01.2383	NGUYỄN NGỌC QUY	09/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.8	12.5	0.50	27.60	1
885	2553020845	TDS.01.2385	NGUYỄN QUỐC QUY	18/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.9	17	0.65	32.65	2
886	2553020846	TDS.01.2388	LÊ MẠNH QUÝ	20/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.5	15	0.50	28.90	1
887	2553020847	TDS.01.2389	LƯU NGỌC QUÝ	16/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	8.8	Ngữ Văn	9.1	17.5	0.11	35.51	1
888	2553020848	TDS.01.2392	NGUYỄN MINH QUÝ	16/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.6	17.5	0.28	34.88	2
889	2553020849	TDS.01.2393	NGUYỄN QUANG QUÝ	03/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.6	18	0.15	34.65	1
890	2553020850	TDS.01.3456	PHẠM ĐĂNG QUÝ	07/03/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	6.6	17.5	0.00	31.00	1
891	2553020851	TDS.01.2398	THÁI THANH PHÚ QUÝ	06/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.4	Vật lí	9.1	15	0.33	32.83	1
892	2553020852	TDS.01.3478	TRẦN ĐỨC QUÝ	01/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	9.2	15.5	0.34	33.04	3
893	2553020853	TDS.01.2405	NGUYỄN LÊ MỸ QUYỀN	15/04/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.7	Ngữ Văn	9.0	20	0.15	37.85	1
894	2553020854	TDS.01.2406	NGUYỄN MINH QUYỀN	02/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.8	Ngữ Văn	8.4	16	0.19	32.39	2

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
895	2553020855	TDS.01.2409	TRẦN NHẬT QUYỀN	24/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.4	15.5	0.75	29.95	2
896	2553020856	TDS.01.2410	ĐOÀN THỊ NGỌC QUYỀN	05/09/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.6	Ngữ Văn	8.1	18	0.29	34.99	1
897	2553020857	TDS.01.2413	BÙI MINH QUỲNH	16/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	6.0	17	0.75	30.05	1
898	2553020858	TDS.01.2416	HÀ HOÀNG BẢO QUỲNH	16/09/2007	Nữ	06a	3	406	HLTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	9.0	13	0.80	31.30	1
899	2553020859	TDS.01.2423	PHẠM NHƯ QUỲNH	30/12/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	4.8	Địa lí	7.2	20	0.25	32.25	2
900	2553020860	TDS.01.2461	NGUYỄN VĂN SẮC	06/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.0	16	0.75	30.45	1
901	2553020861	TDS.01.2463	NGUYỄN VĂN SÂM	09/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.9	14	0.75	28.65	3
902	2553020862	TDS.01.2435	DƯƠNG THANH SANG	21/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	9.7	17	0.30	34.30	4
903	2553020863	TDS.01.2441	LÊ THANH SANG	27/03/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.0	14	0.75	29.95	2
904	2553020864	TDS.01.2444	NGUYỄN TẤN SANG	01/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.4	16	0.25	29.65	1
905	2553020865	TDS.01.2445	NGUYỄN TUẤN SANG	26/01/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	7.7	13	0.25	28.15	1
906	2553020866	TDS.01.2448	PHẠM PHÚC SANG	02/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.7	Vật lí	9.7	18	0.17	36.57	1
907	2553020867	TDS.01.2449	PHÙNG THANH SANG	20/07/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	8.4	20	0.00	35.60	1
908	2553020868	TDS.01.2450	TRẦN MINH SANG	23/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.3	16.5	0.45	31.95	2
909	2553020869	TDS.01.2451	TRẦN QUỐC SANG	08/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	6.9	13.5	0.50	28.20	1
910	2553020870	TDS.01.2456	NGUYỄN CẢNH SÁNG	09/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.7	15	0.75	29.75	2
911	2553020871	TDS.01.3501	LÝ THÁI SƠN	02/06/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.4	Ngữ Văn	6.3	13	0.50	26.20	1
912	2553020872	TDS.01.2476	NGUYỄN DUY SƠN	02/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.7	13	0.00	28.60	2
913	2553020873	TDS.01.2479	NGUYỄN HOÀNG SƠN	19/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.1	19	0.35	34.65	2
914	2553020874	TDS.01.2487	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	09/04/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.8	20	0.00	37.00	4
915	2553020875	TDS.01.2492	TRẦN MINH SƠN	08/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.5	Ngữ Văn	7.0	17.5	0.50	31.50	1
916	2553020876	TDS.01.2497	SUIH	27/01/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	8.1	17	2.35	34.45	1
917	2553020877	TDS.01.2498	PHẠM NGUYỄN SANG SUNG	19/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.6	13	0.50	28.60	1
918	2553020878	TDS.01.2499	TRẦN QUANG SUNG	02/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	6.8	16	0.50	30.10	1
919	2553020879	TDS.01.2503	LÀI THẾ SƯƠNG	13/02/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.3	17	0.51	33.91	2
920	2553020880	TDS.01.2504	NGUYỄN THU SƯƠNG	25/05/2025	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	9.1	12.5	0.41	30.51	3
921	2553020881	TDS.01.2500	K' SUYL	23/03/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T01	Toán	4.6	Ngữ Văn	6.2	17	2.75	30.55	1
922	2553020882	TDS.01.2506	BÙI HỮU TÀI	06/10/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.0	Ngữ Văn	7.4	19	0.47	32.87	1
923	2553020883	TDS.01.2509	ĐẶNG VĂN TÀI	07/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.8	17	0.31	34.11	1
924	2553020884	TDS.01.2514	HỒ ĐĂNG TÀI	21/12/2006	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.0	19	0.53	34.73	1
925	2553020885	TDS.01.2513	HOÀNG LÊ XUÂN TÀI	17/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.8	19	0.21	36.51	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
926	2553020886	TDS.01.2515	HUỖNH TẤN TÀI	17/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.0	Vật lí	7.5	18	0.22	32.72	1
927	2553020887	TDS.01.2519	LÊ MINH TÀI	28/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	8.3	12.5	0.50	28.80	2
928	2553020888	TDS.01.2520	LÊ TẤN TÀI	01/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.1	16	0.49	31.09	4
929	2553020889	TDS.01.2522	LÊ TRUNG TÀI	30/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.7	14	0.25	28.25	2
930	2553020890	TDS.01.2526	NGUYỄN HỮU TÀI	03/12/2007	Nam		2	405	HLTT	T01	Toán	6.0	Ngữ Văn	7.75	18	0.24	31.99	2
931	2553020891	TDS.01.2531	NGUYỄN TẤN TÀI	05/07/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	5.8	Sinh học	9.5	14.5	0.00	29.80	1
932	2553020892	TDS.01.2534	NGUYỄN THÀNH TÀI	06/08/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.3	Sinh học	7.1	14.5	0.00	28.90	1
933	2553020893	TDS.01.2538	PHẠM TẤN TÀI	07/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.4	14	0.24	30.14	1
934	2553020894	TDS.01.2539	PHẠM THANH TÀI	25/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.4	Ngữ Văn	7.6	19	0.18	34.18	1
935	2553020895	TDS.01.2541	TRẦN CHÍ TÀI	28/03/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	6.6	Vật lí	8.0	12	0.75	27.35	3
936	2553020896	TDS.01.2548	KHUỖU TRÍ TÂM	18/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	8.4	Ngữ Văn	7.5	15.5	0.64	32.04	1
937	2553020897	TDS.01.2553	NGUYỄN MỸ TÂM	12/11/2007	Nữ		2	405	HLTT	T01	Toán	5.5	Ngữ Văn	7.0	16	0.25	28.75	1
938	2553020898	TDS.01.2558	NGUYỄN VŨ THÁI TÂM	19/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.6	14	0.23	30.23	2
939	2553020899	TDS.01.2559	PHẠM NGỌC MINH TÂM	11/11/2007	Nữ		3	406	HLTT	T01	Toán	6.9	Ngữ Văn	8.5	18	0.00	33.40	1
940	2553020900	TDS.01.2563	THẠCH PHƯỚC TÂM	01/01/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	8.7	13	2.75	30.65	1
941	2553020901	TDS.01.2565	TRẦN THUY KIỀU TÂM	27/11/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.1	20	0.30	35.80	4
942	2553020902	TDS.01.2567	HOÀNG THỊ TÂM	11/01/2007	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	9.7	Địa lí	9.6	20	0.00	39.30	1
943	2553020903	TDS.01.2569	LÊ NHẬT TÂN	05/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.6	14	0.62	31.42	1
944	2553020904	TDS.01.2576	NGUYỄN THANH TÂN	22/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	5.9	Ngữ Văn	7.6	14.5	0.25	28.25	1
945	2553020905	TDS.01.2577	NGUYỄN VĂN TÂN	27/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	9.3	19	0.35	36.35	2
946	2553020906	TDS.01.2579	QUÁCH DUY TÂN	27/10/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	7.8	13	2.75	30.55	3
947	2553020907	TDS.01.2580	QUẢNG HOÀNG NHẬT TÂN	24/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	8.1	15	0.50	29.50	1
948	2553020908	TDS.01.2581	TRẦN THỊ THU TÂN	11/12/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	5.8	Ngữ Văn	7.0	16.5	0.75	30.05	1
949	2553020909	TDS.01.2584	VÕ MINH TÂN	26/11/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.9	Sinh học	9.0	15	0.46	33.36	5
950	2553020910	TDS.01.2585	DANH TRƯỞNG TÂN	22/09/2006	Nam	01	1	406	HLTT	T00	Toán	5.7	Sinh học	8.4	19	2.35	35.45	1
951	2553020911	TDS.01.2586	LÂM HOÀNG TÂN	11/12/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	9.5	13	2.24	32.64	1
952	2553020912	TDS.01.2588	LÝ VĂN TÂN	13/01/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.5	17	0.24	31.54	1
953	2553020913	TDS.01.2543	HUỖNH THANH TẠO	16/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	8.7	Vật lí	8.2	11	0.25	28.15	2
954	2553020914	TDS.01.2592	NGUYỄN TẮT	02/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.3	20	0.29	35.99	1
955	2553020915	TDS.01.2799	LIÊNG JRANG JU NA THA	24/08/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T01	Toán	5.7	Ngữ Văn	6.5	20	2.75	34.95	1
956	2553020916	TDS.01.2800	LÊ HOÀNG THẠCH	14/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.0	14.5	0.24	30.24	2

152

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
957	2553020917	TDS.01.2802	CAO XUÂN THÁI	04/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.0	15	0.71	31.11	1
958	2553020918	TDS.01.2806	HUỖNH NGUYỄN MINH THÁI	23/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	6.7	12	0.25	25.95	1
959	2553020919	TDS.01.2807	LÊ ANH THÁI	17/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.1	18	0.43	32.93	1
960	2553020920	TDS.01.2813	NGUYỄN HUỖNH QUỐC THÁI	01/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.9	10.5	0.25	25.35	1
961	2553020921	TDS.01.2816	PHAN ĐÌNH THÁI	23/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.4	20	0.21	33.91	1
962	2553020922	TDS.01.2889	HÀ QUANG THẮNG	24/05/2006	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	6.9	13	0.00	26.10	1
963	2553020923	TDS.01.2890	HOA TẮT THẮNG	07/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.1	14	0.24	29.94	1
964	2553020924	TDS.01.2894	LÊ HUỖNH QUỐC THẮNG	09/09/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	9.1	11	0.00	27.80	1
965	2553020925	TDS.01.2895	LÊ MINH THẮNG	29/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.6	17	0.33	33.93	1
966	2553020926	TDS.01.2896	LÊ NGỌC THẮNG	22/11/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.9	Sinh học	9.1	17	0.23	35.23	2
967	2553020927	TDS.01.2898	NGUYỄN CÔNG THẮNG	10/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.3	Sinh học	8.0	14	0.50	29.80	1
968	2553020928	TDS.01.2903	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	01/06/2006	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	7.8	13	0.00	28.60	1
969	2553020929	TDS.01.2824	LỤC THẢO THANH	28/06/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	9.2	Sinh học	9.3	20	0.00	38.50	1
970	2553020930	TDS.01.2828	NGUYỄN BÁ THANH	11/11/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.8	19	0.00	34.30	1
971	2553020931	TDS.01.2829	NGUYỄN NGỌC MINH THANH	28/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	4.7	Địa lí	6.7	12	0.25	23.65	1
972	2553020932	TDS.01.2833	TRẦN NHẬT THANH	22/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.0	18	0.31	34.61	1
973	2553020933	TDS.01.2835	TRẦN VĂN THANH	11/12/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	6.8	Ngữ Văn	8.6	14	0.75	30.15	2
974	2553020934	TDS.01.2843	HÀ MINH THÀNH	28/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	9.2	14	0.37	31.87	1
975	2553020935	TDS.01.2845	HUỖNH PHẠM CÔNG THÀNH	29/07/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.3	14	0.75	28.65	1
976	2553020936	TDS.01.2851	NGUYỄN CÔNG THÀNH	19/01/2003	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.6	Sinh học	8.1	19	0.00	35.70	2
977	2553020937	TDS.01.2853	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	25/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	9.2	Sinh học	9.1	12	0.38	30.68	2
978	2553020938	TDS.01.2856	NGUYỄN LÊ ĐẠI THÀNH	14/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.1	19	0.44	33.34	1
979	2553020939	TDS.01.2857	NGUYỄN NGỌC THÀNH	09/12/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	6.9	20	0.47	33.47	3
980	2553020940	TDS.01.2858	NGUYỄN TẤN THÀNH	19/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.5	15	0.61	32.01	1
981	2553020941	TDS.01.3484	NGUYỄN TIẾN THÀNH	01/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.2	19	0.33	34.83	2
982	2553020942	TDS.01.2863	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	01/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.8	18	0.16	34.26	2
983	2553020943	TDS.01.2862	NGUYỄN TUẤN THÀNH	24/06/2006	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	5.1	Địa lí	7.9	10	0.00	23.00	1
984	2553020944	TDS.01.2864	PHAN NGỌC THÀNH	12/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	8.4	14	0.50	29.50	2
985	2553020945	TDS.01.2869	TRẦN VĂN PHƯỚC THÀNH	12/04/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.8	Sinh học	8.9	13.5	0.19	31.39	2
986	2553020946	TDS.01.2870	VÕ HOÀNG THÀNH	16/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	8.0	10.5	0.25	25.35	1
987	2553020947	TDS.01.2874	NGUYỄN HỮU THẢO	29/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.1	Ngữ Văn	7.0	14	0.50	27.60	3

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1019	2553020979	TDS.01.2974	NGUYỄN DUY THỊNH	14/12/2006	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	6.7	Vật lí	7.1	18.5	0.70	33.00	1
1020	2553020980	TDS.01.2978	NGUYỄN HOÀNG THỊNH	15/10/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	7.5	13	0.48	29.78	3
1021	2553020981	TDS.01.2981	NGUYỄN NGỌC QUỐC THỊNH	09/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	9.1	20	0.11	36.91	2
1022	2553020982	TDS.01.2984	NGUYỄN QUỐC DUY THỊNH	13/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	4.2	Sinh học	6.4	17.5	0.25	28.35	1
1023	2553020983	TDS.01.2987	NGUYỄN TRÍ THỊNH	15/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.1	20	0.14	35.84	1
1024	2553020984	TDS.01.2988	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	01/09/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	9.5	18.5	0.15	34.85	2
1025	2553020985	TDS.01.2989	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	15/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	8.6	11.5	0.50	28.30	2
1026	2553020986	TDS.01.2986	NGUYỄN TỬ HOÀI THỊNH	18/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	7.9	17	0.39	33.09	1
1027	2553020987	TDS.01.2995	TRẦN NGUYỄN GIA THỊNH	27/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.2	Vật lí	8.2	11	0.50	26.90	2
1028	2553020988	TDS.01.3000	VÕ MINH THỊNH	18/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.1	10.5	0.50	24.90	2
1029	2553020989	TDS.01.3001	VÕ VƯƠNG THỊNH	16/05/2004	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.9	Sinh học	8.6	19.5	0.00	37.00	1
1030	2553020990	TDS.01.3003	NGÔ MINH THỌ	29/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.8	Địa lí	8.1	12	0.50	26.40	1
1031	2553020991	TDS.01.3012	NGUYỄN ĐÌNH THÔNG	24/10/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.5	10	0.00	23.50	1
1032	2553020992	TDS.01.3011	NGUYỄN DUY THÔNG	04/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	6.2	Ngữ Văn	8.3	18.5	0.21	33.21	2
1033	2553020993	TDS.01.3060	LÊ ANH THƯ	22/05/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	6.9	18	0.71	32.61	1
1034	2553020994	TDS.01.3065	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	23/01/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.2	Ngữ Văn	7.0	20	0.45	33.65	2
1035	2553020995	TDS.01.3022	DANH MINH THUẬN	01/02/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	7.8	18.5	2.04	35.74	1
1036	2553020996	TDS.01.3024	LÊ HOÀNG PHÚC THUẬN	23/08/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.8	18.5	0.24	32.44	1
1037	2553020997	TDS.01.3026	LÊ TRUNG THUẬN	18/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.0	16.5	0.44	32.14	2
1038	2553020998	TDS.01.3027	NGÔ GIA THUẬN	26/09/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	6.8	15.5	2.75	32.45	2
1039	2553020999	TDS.01.3028	NGUYỄN HỮU THUẬN	23/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.4	20	0.13	36.13	1
1040	2553021000	TDS.01.3029	NGUYỄN MINH THUẬN	22/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.4	19	0.22	33.02	1
1041	2553021001	TDS.01.3032	PHAN MINH THUẬN	19/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.0	Sinh học	6.5	20	0.50	33.00	1
1042	2553021002	TDS.01.3033	PHAN TRỌNG THUẬN	17/12/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	7.4	17.5	0.59	33.49	2
1043	2553021003	TDS.01.3036	TRẦN MINH THUẬN	16/10/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	7.8	Địa lí	9.1	13.5	0.21	30.61	2
1044	2553021004	TDS.01.3037	TRẦN MINH THUẬN	24/09/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.8	20	0.14	35.84	1
1045	2553021005	TDS.01.3038	TRẦN NGUYỄN QUỐC THUẬN	08/06/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	5.8	Địa lí	7.8	18.5	0.00	32.10	1
1046	2553021006	TDS.01.3040	TRƯƠNG HOÀNG MINH THUẬN	11/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.6	17.5	0.34	33.94	1
1047	2553021007	TDS.01.3042	VÕ HÙNG THUẬN	04/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.8	Vật lí	6.3	13.5	0.50	27.10	1
1048	2553021008	TDS.01.3076	TRẦN VĂN THỨC	17/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.7	19	0.35	36.35	1
1049	2553021009	TDS.01.3077	VŨ LÊ THỨC	25/10/1998	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.4	18.5	0.00	34.90	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1050	2553021010	TDS.01.3079	HOÀNG KIM THƯƠNG	16/01/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.7	Địa lí	7.4	18	0.50	31.60	2
1051	2553021011	TDS.01.3082	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	13/03/2004	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	6.9	Ngữ Văn	7.4	19.5	0.00	33.80	1
1052	2553021012	TDS.01.3085	VÕ DUY THƯƠNG	08/03/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	9.0	14.5	0.21	31.31	1
1053	2553021013	TDS.01.3086	BÙI ĐỖ MINH THƯỜNG	12/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.8	Địa lí	9.0	12.5	0.46	29.76	1
1054	2553021014	TDS.01.3052	DANH THỊ THÚY	16/05/2007	Nữ	06a	3	406	HLTT	T04	Toán	9.7	Vật lí	9.6	20	0.09	39.39	1
1055	2553021015	TDS.01.3045	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	25/04/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	7.3	17	0.43	32.43	2
1056	2553021016	TDS.01.3046	PHAN TRƯƠNG MINH THÙY	11/11/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	9.0	Sinh học	9.3	17.5	0.20	36.00	1
1057	2553021017	TDS.01.3048	NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY	05/04/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	9.8	14.5	0.38	31.98	3
1058	2553021018	TDS.01.3055	HỒ HẢI THỤY	20/12/2004	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.6	Sinh học	9.1	18	0.43	35.13	3
1059	2553021019	TDS.01.3056	THÁI VĨNH THỤY	30/09/2002	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.2	15.5	0.00	30.80	3
1060	2553021020	TDS.01.3089	LÊ NGUYỄN BẢO THY	16/10/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	7.6	13.5	0.49	29.89	2
1061	2553021021	TDS.01.3090	LÊ TỬ DIỆP THY	20/02/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.9	18	0.15	34.55	3
1062	2553021022	TDS.01.2594	LA CẨM TIỀN	04/12/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	7.9	13.5	0.25	28.15	2
1063	2553021023	TDS.01.2603	BÙI MINH TIỀN	02/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.7	Vật lí	8.1	17	0.45	32.25	1
1064	2553021024	TDS.01.2604	CAO ĐỨC TIỀN	09/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.7	Vật lí	8.3	10	0.25	25.25	1
1065	2553021025	TDS.01.2607	DƯƠNG CÔNG TIỀN	15/07/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	9.3	18	0.00	35.40	1
1066	2553021026	TDS.01.2624	NGUYỄN LÝ MINH TIỀN	01/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	6.2	Ngữ Văn	8.2	19.5	0.39	34.29	1
1067	2553021027	TDS.01.2627	NGUYỄN QUỐC TIỀN	26/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.3	10	0.25	26.25	1
1068	2553021028	TDS.01.2629	NGUYỄN TRẦN KIM TIỀN	17/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.8	Sinh học	9.2	15.5	0.28	33.78	1
1069	2553021029	TDS.01.2632	PHẠM TÂN TIỀN	20/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	9.1	16.5	0.37	33.07	1
1070	2553021030	TDS.01.2634	TẠ HỒ ĐỨC TIỀN	24/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	9.2	Địa lí	8.7	13	0.00	30.90	1
1071	2553021031	TDS.01.2636	TRẦN MINH TIỀN	18/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.7	18	0.44	32.84	1
1072	2553021032	TDS.01.2638	TRẦN THÀNH TIỀN	14/01/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	6.8	18	0.50	31.40	1
1073	2553021033	TDS.01.2639	TRẦN THẾ TIỀN	31/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.5	20	0.36	36.76	1
1074	2553021034	TDS.01.2641	VÕ VĂN TIỀN	10/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	7.7	17	0.50	30.20	1
1075	2553021035	TDS.01.2643	TÔ NGUYỄN MINH TIẾNG	30/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.4	Địa lí	9.3	15	0.32	33.02	1
1076	2553021036	TDS.01.2645	LỖ MU HA MAR TIN	10/10/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T01	Toán	6.1	Ngữ Văn	7.3	18.5	2.70	34.60	1
1077	2553021037	TDS.01.2646	NGUYỄN BẢO TIN	28/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.1	15.5	0.50	30.60	4
1078	2553021038	TDS.01.2649	NGUYỄN ANH TÍN	30/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.8	14.5	0.17	32.47	3
1079	2553021039	TDS.01.2651	NGUYỄN NHẬT TÍN	06/02/2006	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.9	19.5	0.13	36.13	3
1080	2553021040	TDS.01.2652	NGUYỄN QUỐC TRUNG TÍN	22/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	8.3	Ngữ Văn	8.2	13	0.23	29.73	1

THẺ TRƯỚC ĐẠI HỌC THÀNH HỒ CHÍ MINH

(Handwritten signature)

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1081	2553021041	TDS.01.2653	NGUYỄN TRUNG TÍN	29/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.9	17	0.19	32.99	5
1082	2553021042	TDS.01.2655	TRẦN HIẾU TÍN	20/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	9.4	Vật lí	9.2	15	0.26	33.86	2
1083	2553021043	TDS.01.2660	HUỶNH VĂN TÌNH	31/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.8	14.5	0.46	30.86	1
1084	2553021044	TDS.01.2662	LÊ HỮU TÌNH	27/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.4	Địa lí	6.3	16.5	0.25	28.45	1
1085	2553021045	TDS.01.2663	PHẠM MINH TÌNH	01/01/2003	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.0	17.5	0.00	33.50	4
1086	2553021046	TDS.01.2669	PHẠM THÁI TỊNH	05/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.1	18.5	0.44	33.14	1
1087	2553021047	TDS.01.2671	ÂU DƯƠNG TRÍ TOÀN	27/10/2007	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.3	16	0.00	31.90	1
1088	2553021048	TDS.01.2672	DANH THANH TOÀN	18/01/2006	Nam	06a	3	406	HLTT	T06	Toán	9.6	Địa lí	9.5	20	0.12	39.22	1
1089	2553021049	TDS.01.2676	NGUYỄN TRUNG TOÀN	03/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	8.1	Ngữ Văn	8.5	10	0.25	26.85	1
1090	2553021050	TDS.01.2678	PHẠM BẢO TOÀN	07/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.0	Ngữ Văn	7.8	12	0.50	27.30	1
1091	2553021051	TDS.01.2679	PHẠM VŨ ĐỨC TOÀN	23/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	7.7	11	0.50	26.90	1
1092	2553021052	TDS.01.2681	TRẦN MINH TOÀN	01/06/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	7.9	11.5	0.25	26.55	1
1093	2553021053	TDS.01.2683	VĂN TRÍ TOÀN	04/04/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	7.6	Ngữ Văn	7.6	20	0.00	35.20	2
1094	2553021054	TDS.01.2687	DƯƠNG TÔN	04/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.9	12.5	0.21	30.11	3
1095	2553021055	TDS.01.2690	NGUYỄN NGỌC TỐT	05/04/2006	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	7.9	Sinh học	7.6	16	0.65	32.15	2
1096	2553021056	TDS.01.3116	PHAN THỊ NGỌC TRÂM	28/10/2007	Nữ		2	406	HLTT	T01	Toán	7.5	Ngữ Văn	6.6	14	0.25	28.35	1
1097	2553021057	TDS.01.3122	HUỶNH BẢO TRẦN	01/10/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	5.1	Ngữ Văn	6.9	17	0.75	29.75	1
1098	2553021058	TDS.01.3125	NGUYỄN HUỶNH BẢO TRẦN	03/08/2007	Nữ		1	406	HLTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	6.9	18	0.66	33.06	1
1099	2553021059	TDS.01.3128	NGUYỄN NHÃ TRẦN	21/09/2007	Nữ		1	406	HLTT	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.5	15	0.57	32.37	2
1100	2553021060	TDS.01.3129	NGUYỄN PHAN HOÀI TRẦN	21/07/2007	Nữ		1	406	HLTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.7	10	0.75	27.55	3
1101	2553021061	TDS.01.3100	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	02/11/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	6.3	17	0.50	30.80	1
1102	2553021062	TDS.01.3104	NGUYỄN THỊ THU TRANG	20/10/2007	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	7.5	17	0.21	32.51	2
1103	2553021063	TDS.01.3107	TRẦN NGỌC THẢO TRANG	19/05/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.5	Vật lí	7.3	17	0.50	31.30	1
1104	2553021064	TDS.01.3110	VÕ TUYẾT MAI TRANG	16/04/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.4	10.5	0.25	26.65	2
1105	2553021065	TDS.01.3135	ĐOÀN DUY MINH TRÍ	31/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.7	13	0.37	31.27	1
1106	2553021066	TDS.01.3139	LÊ TRÍ	29/05/2006	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.9	Sinh học	8.8	18.5	0.31	36.51	1
1107	2553021067	TDS.01.3148	NGUYỄN MINH TRÍ	16/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.0	Ngữ Văn	6.7	16	0.49	31.19	1
1108	2553021068	TDS.01.3149	NGUYỄN MINH TRÍ	19/09/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	7.6	17	0.47	31.97	1
1109	2553021069	TDS.01.3150	NGUYỄN MINH TRÍ	20/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	9.5	Sinh học	8.8	17	0.21	35.51	1
1110	2553021070	TDS.01.3511	NGUYỄN MINH TRÍ	20/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.1	Ngữ Văn	7.2	20	0.19	34.49	1
1111	2553021071	TDS.01.3158	PHẠM CAO TRÍ	16/03/2003	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	8.0	19.5	0.00	35.90	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1112	2553021072	TDS.01.3161	PHẠM MINH TRÍ	20/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	8.4	14.5	0.50	29.50	1
1113	2553021073	TDS.01.3165	KHẨU KIẾN TRIỂN	24/10/2007	Nam	06a	2NT	406	HLTT	T04	Toán	6.2	Vật lí	8.2	18	1.32	33.72	1
1114	2553021074	TDS.01.3166	LÊ CAO TRIỂN	13/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	9.0	16.5	0.40	32.60	1
1115	2553021075	TDS.01.3168	LÊ MINH TRIẾT	21/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	9.2	Sinh học	7.0	10	0.25	26.45	2
1116	2553021076	TDS.01.3170	NGUYỄN MINH TRIẾT	04/05/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	6.7	11.5	0.75	25.45	4
1117	2553021077	TDS.01.3172	NGUYỄN MINH TRIẾT	27/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.6	18	0.33	34.33	1
1118	2553021078	TDS.01.3173	PHẠM MINH TRIẾT	16/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.0	14.5	0.50	29.80	1
1119	2553021079	TDS.01.3174	VÕ PHẠM MINH TRIẾT	09/04/2006	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.1	12	0.00	28.00	5
1120	2553021080	TDS.01.3175	HOÀNG HẢI TRIỀU	31/10/2006	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	9.3	Sinh học	8.2	15	0.17	32.67	6
1121	2553021081	TDS.01.3177	NGUYỄN HOÀNG THIÊN TRIỀU	02/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	8.6	Sinh học	8.7	15.5	0.17	32.97	1
1122	2553021082	TDS.01.3178	NGUYỄN QUỐC TRIỀU	28/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	6.7	Ngữ Văn	6.6	17.5	0.75	31.55	1
1123	2553021083	TDS.01.3179	NGUYỄN THỊ ĐOAN BÍCH TRIỀU	21/11/2004	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.3	20	0.00	33.20	1
1124	2553021084	TDS.01.3180	BẠCH QUỐC TRIỆU	13/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	8.0	Ngữ Văn	7.8	16.5	0.20	32.50	3
1125	2553021085	TDS.01.3182	PHẠM NGUYỄN NGỌC TRIỆU	08/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.4	14.5	0.48	30.58	2
1126	2553021086	TDS.01.3185	ĐỖ THỊ NGỌC TRINH	26/03/2005	Nữ		2	406	HLTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	7.2	20	0.21	34.01	1
1127	2553021087	TDS.01.3187	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	29/10/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.0	Ngữ Văn	7.1	18	0.39	33.49	2
1128	2553021088	TDS.01.3191	CAO HỮU TRỌNG	16/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.9	19	0.27	35.77	1
1129	2553021089	TDS.01.3192	LÊ THANH TRỌNG	07/04/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.9	Sinh học	7.8	12	0.50	28.20	1
1130	2553021090	TDS.01.3193	LÊ VĂN TRỌNG	30/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.2	Ngữ Văn	7.9	13	0.50	28.60	2
1131	2553021091	TDS.01.3197	NGUYỄN LÊ PHÚ TRỌNG	21/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	7.3	17.5	0.25	30.05	1
1132	2553021092	TDS.01.3201	NGUYỄN VĂN TRỌNG	16/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.9	Vật lí	9.5	15.5	0.32	33.22	4
1133	2553021093	TDS.01.3204	MAI NGỌC NHƯ TRÚC	28/06/2006	Nữ		3	406	HLTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	9.4	20	0.00	37.70	1
1134	2553021094	TDS.01.3207	NGUYỄN TRẦN THỦY TRÚC	12/04/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.9	18	0.45	32.75	1
1135	2553021095	TDS.01.3208	TRỊNH THỊ THANH TRÚC	24/02/2006	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	7.4	19	0.22	33.12	1
1136	2553021096	TDS.01.3231	NGUYỄN MINH TRỰC	14/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	5.9	Ngữ Văn	7.0	18	0.25	31.15	1
1137	2553021097	TDS.01.3210	BÙI NGUYỄN CÔNG TRUNG	04/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	9.0	10.5	0.48	28.48	2
1138	2553021098	TDS.01.3214	ĐINH NGUYỄN MINH TRUNG	29/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.5	19.5	0.66	33.86	1
1139	2553021099	TDS.01.3217	LÊ VĂN TRUNG	25/08/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	8.2	14.5	0.75	30.05	3
1140	2553021100	TDS.01.3218	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	17/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.2	15	0.49	30.59	1
1141	2553021101	TDS.01.3219	NGUYỄN THÀNH TRUNG	18/05/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	9.6	14.5	0.42	31.32	1
1142	2553021102	TDS.01.3221	PHẠM HOÀNG TRUNG	26/02/2006	Nam	01	1	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	6.7	17.5	2.75	32.85	1

11/01/2018

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1143	2553021103	TDS.01.3227	TRÌNH MINH TRUNG	09/03/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	4.0	Ngữ Văn	6.6	16.5	0.25	27.35	1
1144	2553021104	TDS.01.3228	TRỊNH NGUYỄN THÀNH TRUNG	14/09/2006	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	8.4	Vật lí	9.5	16	0.14	34.04	1
1145	2553021105	TDS.01.3230	VŨ QUỐC TRUNG	10/01/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	7.5	12	0.50	28.50	2
1146	2553021106	TDS.01.3232	PHAN VĂN TRƯỞNG	08/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.3	Ngữ Văn	7.4	13	0.50	28.20	3
1147	2553021107	TDS.01.3233	TRẦN ÁNH AN TRƯỞNG	14/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.0	14	0.50	28.50	7
1148	2553021108	TDS.01.3237	HUỶNH LÊ NGỌC TRƯỜNG	01/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	8.9	14	0.17	31.97	1
1149	2553021109	TDS.01.3240	LÊ THÁI NHẬT TRƯỜNG	17/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.4	13.5	0.25	27.25	1
1150	2553021110	TDS.01.3249	THÁI NHẬT TRƯỜNG	08/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	5.3	Vật lí	7.6	17.5	0.25	30.65	2
1151	2553021111	TDS.01.3252	TRẦN THIÊN TRƯỜNG	14/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	8.6	Vật lí	9.3	10.5	0.69	29.09	2
1152	2553021112	TDS.01.3254	VÕ THIÊN TRƯỜNG	16/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.3	Ngữ Văn	7.4	13	0.50	26.20	2
1153	2553021113	TDS.01.3503	PHẠM LÊ HOÀNG TRUY	16/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.1	14.5	0.25	30.05	1
1154	2553021114	TDS.01.2691	BÙI MINH TÚ	29/07/2007	Nam		1	406	HLTT	T01	Toán	6.0	Ngữ Văn	7.3	12	0.75	26.05	5
1155	2553021115	TDS.01.2695	HOÀNG ANH TÚ	14/10/2002	Nam		2	406	HLTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.3	20	0.15	35.55	1
1156	2553021116	TDS.01.2696	HOÀNG TUẤN TÚ	07/12/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	7.5	18.5	0.17	34.47	2
1157	2553021117	TDS.01.2697	HUỶNH THÁI TÚ	15/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.6	11.5	0.50	28.10	1
1158	2553021118	TDS.01.2698	HUỶNH VĂN THÁI TÚ	11/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	9.4	Vật lí	9.1	10.5	0.21	29.21	1
1159	2553021119	TDS.01.2699	K TUẤN TÚ	12/02/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.0	20	1.47	37.47	1
1160	2553021120	TDS.01.2700	LẠI VŨ NGỌC TÚ	07/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	4.4	Địa lí	7.4	16.5	0.25	28.55	1
1161	2553021121	TDS.01.2705	NGUYỄN THANH TÚ	19/06/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.6	16.5	0.54	33.44	1
1162	2553021122	TDS.01.2709	PHẠM TUẤN TÚ	04/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.2	16	0.75	29.95	1
1163	2553021123	TDS.01.2710	TRẦN HUỶNH ANH TÚ	04/04/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.3	17	0.43	32.53	1
1164	2553021124	TDS.01.2715	BÙI PHAN ANH TUẤN	30/05/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.4	17	0.25	30.65	1
1165	2553021125	TDS.01.2723	ĐIỀU KHÚC ANH TUẤN	15/03/2006	Nam	06a	2	406	HLTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	7.1	11	1.25	25.95	1
1166	2553021126	TDS.01.2720	DƯƠNG ANH TUẤN	20/06/2007	Nam	06a	2	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.8	19	0.95	34.75	1
1167	2553021127	TDS.01.2727	HOÀNG MINH TUẤN	23/11/2007	Nam	06a	2	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.3	18	0.88	34.58	1
1168	2553021128	TDS.01.2729	LÊ ĐÌNH NHƯ TUẤN	27/11/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.8	Ngữ Văn	6.7	15	0.50	30.00	1
1169	2553021129	TDS.01.2730	LÊ KHẮC HOÀNG TUẤN	05/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	6.2	Sinh học	8.3	20	0.37	34.87	1
1170	2553021130	TDS.01.2733	NGUYỄN ANH TUẤN	08/12/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	5.1	Địa lí	7.0	16	0.75	28.85	1
1171	2553021131	TDS.01.2735	NGUYỄN ĐÌNH ANH TUẤN	30/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.8	15	0.50	29.30	1
1172	2553021132	TDS.01.2741	NGUYỄN MINH TUẤN	04/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.5	16	0.19	32.49	1
1173	2553021133	TDS.01.2743	NGUYỄN PHÚC TUẤN	28/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	9.1	15.5	0.31	33.41	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1174	2553021134	TDS.01.2744	NGUYỄN THANH TUẤN	24/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	6.8	12	0.50	27.00	1
1175	2553021135	TDS.01.2746	PHẠM VÕ QUỐC TUẤN	19/11/2002	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	7.4	17.5	0.00	31.80	1
1176	2553021136	TDS.01.2747	PHAN THANH TUẤN	20/01/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	7.3	17	0.75	31.55	1
1177	2553021137	TDS.01.2758	VÕ VĂN TUẤN	23/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.5	12.5	0.50	27.50	1
1178	2553021138	TDS.01.2762	NGUYỄN ANH TÙNG	26/03/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.6	Vật lí	8.1	13	0.45	30.15	3
1179	2553021139	TDS.01.2763	NGUYỄN SƠN TÙNG	20/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	5.6	Ngữ Văn	5.7	19	0.50	30.80	1
1180	2553021140	TDS.01.2764	NGUYỄN THANH TÙNG	17/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.4	14	0.44	30.84	3
1181	2553021141	TDS.01.2765	NGUYỄN THANH TÙNG	20/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	9.1	15	0.45	31.25	2
1182	2553021142	TDS.01.2766	NGUYỄN THANH TÙNG	27/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.0	Ngữ Văn	7.6	13	0.50	29.10	2
1183	2553021143	TDS.01.2768	TRẦN THANH TÙNG	31/07/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	6.2	16	0.25	28.45	1
1184	2553021144	TDS.01.2769	TRỊNH QUANG TÙNG	23/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	4.0	Sinh học	7.4	11.5	0.50	23.40	1
1185	2553021145	TDS.01.2782	HUỖNH BÁ TƯỚC	03/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	6.5	Ngữ Văn	6.5	19	0.25	32.25	1
1186	2553021146	TDS.01.2785	CHU MẠNH TƯỜNG	04/09/2007	Nam		2NT	405	HLTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	8.5	12	0.50	26.00	2
1187	2553021147	TDS.01.2788	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	27/04/1997	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	4.2	Sinh học	6.7	19	0.00	29.90	1
1188	2553021148	TDS.01.2789	NGUYỄN VĨNH TƯỜNG	05/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	7.9	Vật lí	7.4	16	0.67	31.97	1
1189	2553021149	TDS.01.2790	PHAN THỊ CẨM TƯỜNG	06/10/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.9	20	0.20	34.10	1
1190	2553021150	TDS.01.2791	TRẦN MINH TƯỜNG	03/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.0	11	0.25	26.85	2
1191	2553021151	TDS.01.3432	TRẦN MINH TƯỜNG	01/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	7.8	Ngữ Văn	8.1	19	0.15	35.05	9
1192	2553021152	TDS.01.2773	ĐỖ THỊ PHƯƠNG TUYỀN	26/03/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.6	15	0.37	32.27	1
1193	2553021153	TDS.01.2774	NGUYỄN THỊ BÍCH TUYỀN	12/09/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.2	12.5	0.75	29.15	2
1194	2553021154	TDS.01.2776	TRẦN THANH TUYỀN	06/08/2007	Nữ		3	406	HLTT	T00	Toán	9.3	Sinh học	9.2	20	0.00	38.50	1
1195	2553021155	TDS.01.2796	ĐỖ ĐỨC TỶ	01/10/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	7.7	Địa lí	7.9	19	0.49	35.09	1
1196	2553021156	TDS.01.3256	LÊ VĂN ÚT	23/06/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.0	16.5	0.35	33.35	4
1197	2553021157	TDS.01.3257	ĐỖ THỊ HỒNG UYÊN	29/05/2007	Nữ		1	406	HLTT	T04	Toán	8.8	Vật lí	8.8	15	0.49	33.09	1
1198	2553021158	TDS.01.3259	NGUYỄN THU UYÊN	02/05/2007	Nữ		1	406	HLTT	T00	Toán	6.0	Sinh học	7.7	15.5	0.75	29.95	2
1199	2553021159	TDS.01.3271	NGUYỄN THỊ YẾN VÂN	05/03/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	9.4	17	0.31	34.11	1
1200	2553021160	TDS.01.3272	TÔ HẢI VÂN	26/01/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.1	Ngữ Văn	7.8	14.5	0.46	30.86	1
1201	2553021161	TDS.01.3261	CHÂU HOÀI VÂN	02/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.2	17	0.39	32.99	1
1202	2553021162	TDS.01.3262	HUỖNH VỸ VÂN	14/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.5	17	0.35	33.55	1
1203	2553021163	TDS.01.3263	NGUYỄN KIỀU YẾN VÂN	15/03/2007	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	6.9	Vật lí	8.4	20	0.16	35.46	1
1204	2553021164	TDS.01.3264	TRẦN QUỐC VÂN	25/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.7	Địa lí	8.5	15	0.18	32.38	2

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1205	2553021165	TDS.01.3266	TRƯƠNG MINH VĂN	01/11/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.1	14	0.39	31.49	1
1206	2553021166	TDS.01.3273	ĐỖ HÒA VÂN	15/11/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	7.6	11.5	0.25	27.35	1
1207	2553021167	TDS.01.3275	TRẦN ĐẠI VỆ	24/02/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.0	Vật lí	7.8	12.5	0.25	27.55	2
1208	2553021168	TDS.01.3401	LÊ VĂN VĨ	04/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.9	Vật lí	8.2	15	0.43	31.53	2
1209	2553021169	TDS.01.3291	ĐỖ DUY VIỆT	15/03/2004	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.4	10	0.00	25.70	2
1210	2553021170	TDS.01.3292	HOÀNG QUỐC VIỆT	21/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.3	16.5	0.55	33.35	2
1211	2553021171	TDS.01.3294	LÊ ANH QUỐC VIỆT	12/03/2003	Nam		3	406	HLTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.1	20	0.00	35.00	1
1212	2553021172	TDS.01.3298	MAI PHẠM THANH VIỆT	07/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.7	18	0.32	34.52	1
1213	2553021173	TDS.01.3299	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	13/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	9.1	Địa lí	8.9	17.5	0.11	35.61	1
1214	2553021174	TDS.01.3301	NGUYỄN TIẾN VIỆT	28/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T01	Toán	5.7	Ngữ Văn	6.9	20	0.25	32.85	1
1215	2553021175	TDS.01.3302	THẠCH THANH VIỆT	01/06/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T04	Toán	9.3	Vật lí	8.7	14.5	1.74	34.24	2
1216	2553021176	TDS.01.3305	VĂN QUỐC VIỆT	31/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.8	Sinh học	8.4	18	0.32	34.52	1
1217	2553021177	TDS.01.3312	LÊ VINH	24/06/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.9	Vật lí	8.0	17.5	0.18	33.58	25
1218	2553021178	TDS.01.3313	NGÔ QUANG VINH	27/12/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	4.5	Vật lí	7.2	18.5	0.00	30.20	1
1219	2553021179	TDS.01.3316	NGUYỄN HUỲNH PHÚC VINH	18/08/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.7	11.5	0.50	28.10	1
1220	2553021180	TDS.01.3318	NGUYỄN PHÚ VINH	22/05/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.3	16.5	0.34	33.44	3
1221	2553021181	TDS.01.3321	NGUYỄN QUANG VINH	20/10/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	7.1	Vật lí	7.4	14.5	0.25	29.25	1
1222	2553021182	TDS.01.3323	NGUYỄN TRẦN THẾ VINH	05/02/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	5.8	Sinh học	8.4	16.5	0.50	31.20	2
1223	2553021183	TDS.01.3324	PHẠM ĐÌNH VINH	27/10/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.5	10.5	0.00	26.00	1
1224	2553021184	TDS.01.3327	TÔ ĐỨC THẾ VINH	12/09/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.7	13.5	0.25	29.35	2
1225	2553021185	TDS.01.3332	TRẦN QUỐC VINH	23/05/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	6.2	Ngữ Văn	7.2	16	0.00	29.40	2
1226	2553021186	TDS.01.3333	TRIỆU PHÚ VINH	13/08/2007	Nam	01	1	406	HLTT	T01	Toán	6.3	Ngữ Văn	7.0	15	2.75	31.05	2
1227	2553021187	TDS.01.3443	HỒ QUỐC VŨ	22/09/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	7.6	19.5	0.33	35.13	1
1228	2553021188	TDS.01.3338	HỒ THANH VŨ	17/10/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	7.4	14.5	0.50	30.00	1
1229	2553021189	TDS.01.3337	HOÀNG ANH VŨ	13/02/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.2	Vật lí	7.9	15	0.43	31.53	1
1230	2553021190	TDS.01.3342	LÊ THANH VŨ	06/12/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.0	16.5	0.19	32.79	1
1231	2553021191	TDS.01.3341	LÊ TUẤN VŨ	23/07/2006	Nam		2NT	406	HLTT	T00	Toán	7.3	Sinh học	9.3	11.5	0.50	28.60	1
1232	2553021192	TDS.01.3344	NGÔ HOÀNG VŨ	08/09/2005	Nam		3	406	HLTT	T04	Toán	5.9	Vật lí	7.8	19.5	0.00	33.20	2
1233	2553021193	TDS.01.3348	PHẠM LÊ HOÀNG VŨ	27/11/2007	Nam		1	406	HLTT	T04	Toán	6.6	Vật lí	8.3	16	0.71	31.61	1
1234	2553021194	TDS.01.3492	PHAN BÁ VŨ	03/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.0	16	0.23	31.43	2
1235	2553021195	TDS.01.3350	TRẦN HOÀNG VŨ	09/07/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	6.5	13	0.50	26.70	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1236	2553021196	TDS.01.3352	TRẦN VĂN HOÀNG VŨ	19/12/2007	Nam		3	406	HLTT	T01	Toán	8.4	Ngữ Văn	7.0	18.5	0.00	33.90	1
1237	2553021197	TDS.01.3353	TRỊNH HOÀNG VŨ	30/12/2007	Nam		2NT	406	HLTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	7.9	15	0.42	31.62	1
1238	2553021198	TDS.01.3355	VY THANH VŨ	13/06/2007	Nam	06a	2	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.1	14	1.25	29.35	2
1239	2553021199	TDS.01.3359	NGUYỄN MINH VƯƠNG	03/03/2007	Nam		3	406	HLTT	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.7	20	0.00	35.10	1
1240	2553021200	TDS.01.3363	BÙI THANH VY	22/10/2007	Nữ		3	406	HLTT	T01	Toán	7.6	Ngữ Văn	8.3	18	0.00	33.90	2
1241	2553021201	TDS.01.3366	CHIẾNG TIỂU VY	30/09/2007	Nữ	06a	2NT	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.4	18.5	1.15	34.65	1
1242	2553021202	TDS.01.3368	ĐOÀN DIỆU KHÁNH VY	15/05/2007	Nữ		1	406	HLTT	T01	Toán	5.0	Ngữ Văn	6.2	17	0.75	28.95	1
1243	2553021203	TDS.01.3372	LÊ NGỌC YẾN VY	06/02/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	7.7	18	0.37	33.87	2
1244	2553021204	TDS.01.3373	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VY	25/12/2007	Nữ		2	406	HLTT	T01	Toán	8.5	Ngữ Văn	8.0	16	0.18	32.68	2
1245	2553021205	TDS.01.3378	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG VY	20/12/2007	Nữ		2	406	HLTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	6.8	17.5	0.25	31.05	1
1246	2553021206	TDS.01.3380	NGUYỄN THỊ KHÁNH VY	18/07/2007	Nữ		2	406	HLTT	T01	Toán	5.6	Ngữ Văn	6.7	16	0.25	28.55	1
1247	2553021207	TDS.01.3386	PHẠM ĐỖ TƯỜNG VY	08/07/2007	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.9	16.5	0.16	33.66	1
1248	2553021208	TDS.01.3387	PHẠM THỊ KIỀU VY	20/02/2007	Nữ		2	406	HLTT	T04	Toán	6.6	Vật lí	7.1	18	0.24	31.94	1
1249	2553021209	TDS.01.3392	TRẦN NGỌC THUỶ VY	08/10/2007	Nữ		2	406	HLTT	T01	Toán	6.8	Ngữ Văn	8.1	17	0.22	32.12	2
1250	2553021210	TDS.01.3397	DƯƠNG CHÍ VỸ	17/09/2007	Nam		1	406	HLTT	T00	Toán	8.5	Sinh học	9.5	12.5	0.58	31.08	1
1251	2553021211	TDS.01.3400	LÊ QUANG VỸ	11/04/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.9	13	0.25	27.35	1
1252	2553021212	TDS.01.3402	NGUYỄN GIA VỸ	29/01/2007	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.5	18.5	0.25	32.15	2
1253	2553021213	TDS.01.3404	PHAN HỒNG VỸ	26/06/2006	Nam		2	406	HLTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.6	15.5	0.25	30.35	1
1254	2553021214	TDS.01.3407	TRẦN TRỌNG WIN	01/08/2007	Nam		2	406	HLTT	T04	Toán	6.9	Vật lí	9.0	18.5	0.16	34.56	1
1255	2553021215	TDS.01.3409	TRẦN ÁNH XUÂN	28/11/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	8.4	Ngữ Văn	7.8	17	0.35	33.55	2
1256	2553021216	TDS.01.3412	CAO HOÀNG NHƯ Ý	16/01/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.0	18.5	0.30	35.00	1
1257	2553021217	TDS.01.3414	NGUYỄN NHÃ Ý	09/03/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T01	Toán	7.4	Ngữ Văn	7.5	20	0.34	35.24	3
1258	2553021218	TDS.01.3415	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	28/11/2007	Nữ		1	406	HLTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	7.7	19	0.62	33.92	3
1259	2553021219	TDS.01.3420	ĐOÀN HẢI YẾN	05/03/2007	Nữ		1	406	HLTT	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.7	17	0.38	35.08	1
1260	2553021220	TDS.01.3422	LÊ HOÀNG PHI YẾN	11/07/2006	Nữ		2NT	406	HLTT	T06	Toán	8.4	Địa lí	9.3	20	0.15	37.85	1
1261	2553021221	TDS.01.3426	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	29/10/2007	Nữ		2NT	406	HLTT	T04	Toán	9.2	Vật lí	9.4	15.5	0.24	34.34	3
1262	2553010001	TDS.01.0010	LÊ PHƯỚC TÂM AN	24/10/2007	Nữ		2NT	406	QLTDTT	T00	Toán	8.7	Sinh học	9.1	14.5	0.33	32.63	2
1263	2553010002	TDS.01.0017	NGUYỄN BÌNH AN	08/06/2006	Nam		2	406	QLTDTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.6	16.5	0.22	31.82	2
1264	2553010003	TDS.01.0026	NGUYỄN THIÊN AN	01/02/2007	Nam		1	406	QLTDTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	6.8	18.5	0.63	33.63	4
1265	2553010004	TDS.01.0038	VŨ TRỌNG HOÀI AN	10/08/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.3	10	0.00	26.80	3
1266	2553010005	TDS.01.0126	LÊ NGUYỄN PHÚC ÂN	03/02/2007	Nam		1	406	QLTDTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	6.9	13.5	0.75	27.75	2

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1267	2553010006	TDS.01.3499	NGUYỄN ĐỖ VÂN ANH	27/02/2006	Nữ		3	406	QLTDTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	8.9	12.5	0.00	28.10	1
1268	2553010007	TDS.01.0101	SƠN QUANG ANH	13/10/2007	Nam	06a	2	406	QLTDTT	T01	Toán	7.2	Ngữ Văn	8.8	16.5	0.96	33.46	1
1269	2553010008	TDS.01.0176	NGUYỄN HỮU THIÊN BẢO	03/09/2007	Nam	01	1	406	QLTDTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	6.0	13.5	2.75	29.95	2
1270	2553010009	TDS.01.0211	TRẦN LÝ GIA BẢO	16/11/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T00	Toán	8.6	Sinh học	8.0	15.5	0.19	32.29	2
1271	2553010010	TDS.01.0234	ĐÌNH NGUYỄN PHƯƠNG BÌNH	14/07/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	5.6	Vật lí	7.2	16	0.50	29.30	1
1272	2553010011	TDS.01.0235	GIP Y BÌNH	15/07/2007	Nữ	06a	2NT	406	QLTDTT	T01	Toán	5.1	Ngữ Văn	7.4	16	1.50	30.00	1
1273	2553010012	TDS.01.0238	LÊ XUÂN BÌNH	27/08/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	7.3	18.5	0.34	34.44	4
1274	2553010013	TDS.01.0311	THÔNG MINH CHIẾN	18/12/2007	Nam	06a	2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.1	12.5	1.50	29.70	2
1275	2553010014	TDS.01.0320	TRẦN CÔNG CHÚC	13/05/2006	Nam		2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	6.8	13.5	0.50	27.50	1
1276	2553010015	TDS.01.0352	LƯƠNG THẾ DĂNG	13/04/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T01	Toán	8.0	Ngữ Văn	7.8	17	0.38	33.18	1
1277	2553010016	TDS.01.0338	NGUYỄN THÀNH DANH	21/10/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.0	10	0.50	26.50	2
1278	2553010017	TDS.01.0537	LÊ HOÀNG TIẾN ĐẠT	15/04/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.4	16	0.44	31.84	2
1279	2553010018	TDS.01.0547	NGUYỄN ĐẠI PHÁT ĐẠT	09/08/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.1	15	0.00	30.90	2
1280	2553010019	TDS.01.0553	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	01/12/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T01	Toán	6.4	Ngữ Văn	7.0	17	0.50	30.90	1
1281	2553010020	TDS.01.0575	NGUYỄN VÕ THÀNH ĐẠT	09/08/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T00	Toán	7.0	Sinh học	8.3	11	0.00	26.30	1
1282	2553010021	TDS.01.0618	LÊ MINH ĐIỀN	16/01/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.1	20	0.00	34.70	4
1283	2553010022	TDS.01.0639	HOÀNG VĂN ĐÔNG	18/05/2003	Nam		3	406	QLTDTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	8.5	18	0.00	33.00	1
1284	2553010023	TDS.01.0648	LÊ HỮU NHƯ ĐÔNG	10/07/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	8.4	Địa lí	9.3	18.5	0.20	36.40	5
1285	2553010024	TDS.01.0660	NGUYỄN ANH ĐỨC	06/01/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.3	16	0.00	30.10	1
1286	2553010025	TDS.01.0672	NGUYỄN NGÔ TÂN ĐỨC	25/02/2006	Nam		3	406	QLTDTT	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.9	11	0.00	27.80	2
1287	2553010026	TDS.01.0676	PHẠM TRUNG ĐỨC	29/07/2006	Nam		3	406	QLTDTT	T01	Toán	5.1	Ngữ Văn	7.2	11.5	0.00	23.80	1
1288	2553010027	TDS.01.0376	ĐẶNG NGHIÊM TÂN DŨNG	12/09/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	7.9	Vật lí	7.1	17.5	0.42	32.92	2
1289	2553010028	TDS.01.0405	BÙI NGUYỄN KHÁNH DUY	28/12/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.4	16.5	0.18	33.18	4
1290	2553010029	TDS.01.0421	LÂM DUY	29/01/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.5	15.5	0.25	29.55	2
1291	2553010030	TDS.01.0720	CHÂU CHÍ HẢI	08/01/2007	Nam	06a	2	406	QLTDTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	6.8	10.5	1.25	25.45	1
1292	2553010031	TDS.01.0787	NGUYỄN GIA HÂN	28/05/2007	Nữ		1	406	QLTDTT	T06	Toán	4.3	Địa lí	7.4	17.5	0.75	29.95	1
1293	2553010032	TDS.01.3465	LÊ SỸ NHẬT HÀO	01/10/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.3	11	0.00	26.70	1
1294	2553010033	TDS.01.0759	NGUYỄN THẾ HÀO	17/11/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T06	Toán	4.7	Địa lí	9.2	10.5	0.00	24.40	1
1295	2553010034	TDS.01.0812	TRẦN THANH HẬU	28/03/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T04	Toán	9.1	Vật lí	9.8	11.5	0.18	30.58	2
1296	2553010035	TDS.01.0818	LÊ THỊ MỸ HIỀN	05/01/2007	Nữ		2	406	QLTDTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	9.2	20	0.09	37.29	1
1297	2553010036	TDS.01.0886	KHÂU TRỊNH ANH HOÀI	01/06/2007	Nữ	01	1	406	QLTDTT	T06	Toán	5.6	Địa lí	9.2	14	2.75	31.55	1

182

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1298	2553010037	TDS.01.0913	NGUYỄN ĐIỀN HOÀNG	31/03/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T04	Toán	7.7	Vật lí	7.8	16.5	0.21	32.21	1
1299	2553010038	TDS.01.3434	TRƯƠNG VIỆT HÙNG	20/09/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.4	17.5	0.23	32.23	1
1300	2553010039	TDS.01.1005	HUỲNH NGUYỄN THANH HUY	16/10/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.0	11	0.25	27.75	2
1301	2553010040	TDS.01.1008	HUỲNH QUANG HUY	10/06/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	9.3	15.5	0.27	33.97	2
1302	2553010041	TDS.01.1069	PHAN NGUYỄN GIA HUY	18/10/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	7.9	20	0.18	34.68	1
1303	2553010042	TDS.01.1269	DANH CHẤN KHANG	19/01/2007	Nam	01	1	406	QLTDTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	7.9	16	2.75	33.25	2
1304	2553010043	TDS.01.1347	TRẦN BẢO KHANH	02/06/2007	Nam		1	406	QLTDTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.6	16	0.75	31.15	2
1305	2553010044	TDS.01.1371	NGUYỄN VĂN KHÁNH	02/09/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.8	17.5	0.17	33.97	2
1306	2553010045	TDS.01.1413	NGUYỄN ANH KHOA	22/10/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.1	14	0.00	30.40	1
1307	2553010046	TDS.01.3433	BÙI NHẬT GIA KHÔI	10/01/2006	Nam		2	406	QLTDTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.2	18	0.18	33.88	1
1308	2553010047	TDS.01.1463	NGUYỄN MINH KHÔI	24/02/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.0	10	0.00	24.50	3
1309	2553010048	TDS.01.1187	TRẦN TRUNG KIÊN	16/12/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T01	Toán	5.6	Ngữ Văn	7.3	13.5	0.25	26.65	1
1310	2553010049	TDS.01.1212	NGUYỄN TUẤN KIẾT	12/10/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	8.1	10.5	0.50	25.60	1
1311	2553010050	TDS.01.1240	THÁI TRUNG KỲ	27/10/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	8.0	19.5	0.11	36.51	1
1312	2553010051	TDS.01.3496	NGUYỄN THÀNH LẬP	11/09/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T00	Toán	6.2	Sinh học	6.5	17.5	0.25	30.45	1
1313	2553010052	TDS.01.1640	TRẦN THANH LỢI	04/01/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T01	Toán	6.7	Ngữ Văn	7.2	13.5	0.50	27.90	2
1314	2553010053	TDS.01.1565	BÙI BẢO LONG	26/05/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	6.5	Vật lí	7.5	13	0.50	27.50	2
1315	2553010054	TDS.01.1580	LƯU TRƯỜNG LONG	15/05/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	8.0	Địa lí	9.2	12.5	0.44	30.14	5
1316	2553010055	TDS.01.1687	VŨ LÊ KIM MẠNH	26/03/2006	Nam		3	406	QLTDTT	T06	Toán	7.2	Địa lí	9.2	15.5	0.00	31.90	3
1317	2553010056	TDS.01.1727	NGUYỄN VÕ CHÍ MINH	12/04/2007	Nam		3	405	QLTDTT	T01	Toán	6.25	Ngữ Văn	7.0	20	0.00	33.25	3
1318	2553010057	TDS.01.1863	TRƯƠNG TUẤN NGHĨA	27/05/2006	Nam		1	406	QLTDTT	T00	Toán	6.6	Sinh học	7.8	10	0.75	25.15	2
1319	2553010058	TDS.01.1939	LÝ NHƯ NGUYỆT	02/10/2007	Nữ	01	1	406	QLTDTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	6.5	10	2.75	24.25	1
1320	2553010059	TDS.01.1970	NGUYỄN TRÂM THÀNH NHÂN	23/07/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T01	Toán	5.1	Ngữ Văn	5.4	15	0.50	26.00	1
1321	2553010060	TDS.01.1980	VÕ THÀNH NHÂN	01/09/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	6.6	Địa lí	6.6	18.5	0.25	31.95	1
1322	2553010061	TDS.01.3481	LÊ THỊ YẾN NHI	18/01/2007	Nữ		2NT	406	QLTDTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	9.1	12	0.46	29.56	2
1323	2553010062	TDS.01.2017	NGUYỄN HOÀNG YẾN NHI	01/06/2007	Nữ		2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.2	14	0.50	29.40	1
1324	2553010063	TDS.01.2077	NGUYỄN CHÂU PHA	28/04/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T01	Toán	7.9	Ngữ Văn	8.6	15	0.40	31.90	1
1325	2553010064	TDS.01.2108	LÝ TRƯỜNG PHÁT	18/03/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T06	Toán	5.0	Địa lí	6.9	12.5	0.00	24.40	3
1326	2553010065	TDS.01.2144	VÕ HỒNG PHÁT	28/10/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	9.5	Vật lí	7.7	15.5	0.34	33.04	2
1327	2553010066	TDS.01.2187	LÊ QUỐC TIỀN PHÚ	21/10/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T04	Toán	8.9	Vật lí	9.1	19.5	0.00	37.50	1
1328	2553010067	TDS.01.2206	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	12/07/2007	Nam		1	405	QLTDTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	9.5	10	0.75	26.75	2

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1329	2553010068	TDS.01.2204	DƯƠNG HOÀNG PHÚC	02/03/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T04	Toán	7.0	Vật lí	7.0	16.5	0.00	30.50	2
1330	2553010069	TDS.01.2222	LÊ ĐOÀN ĐỒNG PHÚC	12/10/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T01	Toán	7.6	Ngữ Văn	7.1	10	0.00	24.70	4
1331	2553010070	TDS.01.2230	LÊ VĂN PHÚC	01/01/2004	Nam		3	406	QLTDTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	6.8	17.5	0.00	31.50	2
1332	2553010071	TDS.01.2246	NGUYỄN HỒNG PHÚC	17/11/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	6.0	Địa lí	6.6	16.5	0.25	29.35	1
1333	2553010072	TDS.01.2248	NGUYỄN KHẮC PHÚC	13/03/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	7.2	15	0.50	29.30	1
1334	2553010073	TDS.01.2285	PHẠM LÊ HỮU PHƯỚC	23/11/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.6	17.5	0.14	34.64	3
1335	2553010074	TDS.01.2356	NGUYỄN MINH QUÂN	02/06/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.9	17	0.18	33.18	1
1336	2553010075	TDS.01.2368	TRẦN YẾN QUÂN	20/05/2004	Nữ		3	406	QLTDTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.3	16	0.00	32.80	11
1337	2553010076	TDS.01.2419	LÊ VĂN QUỲNH	03/02/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	9.2	12.5	0.25	28.25	2
1338	2553010077	TDS.01.2424	TRẦN NHƯ QUỲNH	12/10/2007	Nữ		2	406	QLTDTT	T06	Toán	5.8	Địa lí	7.5	17	0.25	30.55	1
1339	2553010078	TDS.01.2467	BÙI NGUYỄN THANH SƠN	08/09/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.2	19	0.20	33.70	2
1340	2553010079	TDS.01.2474	NGÔ NGUYỄN GIANG SƠN	07/09/2007	Nam		1	406	QLTDTT	T06	Toán	5.9	Địa lí	7.4	17.5	0.75	31.55	1
1341	2553010080	TDS.01.2551	NGUYỄN LAI THÀNH TÂM	25/11/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.4	16	0.00	32.90	1
1342	2553010081	TDS.01.2884	LÊ PHƯƠNG HỒNG THẨM	21/12/2007	Nữ		3	406	QLTDTT	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.2	14.5	0.00	29.20	1
1343	2553010082	TDS.01.2872	NGUYỄN PHƯỚC THẠNH	03/01/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.9	13	0.50	27.70	1
1344	2553010083	TDS.01.2933	NGÔ PHƯỚC THIÊN	19/10/2004	Nam	03d	3	406	QLTDTT	T06	Toán	6.2	Địa lí	8.2	17	1.89	33.29	2
1345	2553010084	TDS.01.2946	NGUYỄN THANH THIÊN	29/11/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.5	15	0.38	32.18	3
1346	2553010085	TDS.01.3002	LÊ ĐỨC THỌ	18/05/2007	Nam		1	406	QLTDTT	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.0	15	0.61	32.01	1
1347	2553010086	TDS.01.3020	TRẦN THỊ HOÀI THU	16/08/2007	Nữ		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	7.3	13	0.50	28.40	2
1348	2553010087	TDS.01.3025	LÊ MINH THUẬN	02/09/2006	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.5	16	0.35	33.05	2
1349	2553010088	TDS.01.3074	LƯU BÁ THỨC	11/11/2007	Nam		1	406	QLTDTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.4	12.5	0.75	27.75	2
1350	2553010089	TDS.01.3091	NGUYỄN LÊ BẢO THY	21/08/2007	Nữ		3	406	QLTDTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	9.3	20	0.00	37.60	1
1351	2553010090	TDS.01.2658	BÙI CHÍ TÌNH	17/12/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T01	Toán	4.7	Ngữ Văn	7.1	12	0.50	24.30	1
1352	2553010091	TDS.01.3102	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	05/08/2007	Nữ		1	406	QLTDTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.5	12	0.74	29.34	1
1353	2553010092	TDS.01.3156	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	24/01/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.7	13.5	0.45	30.45	4
1354	2553010093	TDS.01.3194	MAI ĐỨC TRỌNG	12/10/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T01	Toán	7.4	Ngữ Văn	7.7	13.5	0.25	28.85	2
1355	2553010094	TDS.01.3200	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	17/07/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T04	Toán	7.4	Vật lí	8.2	17	0.20	32.80	1
1356	2553010095	TDS.01.3440	PHẠM PHÚ TRỌNG	18/03/2007	Nam		2NT	406	QLTDTT	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.1	15	0.48	30.78	1
1357	2553010096	TDS.01.3212	ĐÀM MINH TRUNG	03/12/2007	Nam	06a	2	406	QLTDTT	T06	Toán	7.9	Địa lí	9.3	12.5	1.09	30.79	2
1358	2553010097	TDS.01.3238	LẠI THẾ TRƯỜNG	20/05/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T01	Toán	6.6	Ngữ Văn	7.3	11	0.25	25.15	1
1359	2553010098	TDS.01.2734	NGUYỄN DUY ANH TUẤN	07/11/2007	Nam		3	406	QLTDTT	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.9	11	0.00	28.20	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1360	2553010099	TDS.01.2750	THÁI ANH TUẤN	10/06/2007	Nam	06a	2NT	406	QLTDTT	T06	Toán	7.0	Địa lí	6.8	12.5	1.50	27.80	2
1361	2553010100	TDS.01.3297	LƯU HỒ QUỐC VIỆT	18/11/2007	Nam		2	406	QLTDTT	T04	Toán	6.5	Vật lí	7.0	16	0.25	29.75	1
1362	2553010101	TDS.01.3322	NGUYỄN THÀNH VINH	25/12/2006	Nam		2	406	QLTDTT	T00	Toán	5.9	Sinh học	8.3	12.5	0.25	26.95	4
1363	2553010102	TDS.01.3361	VÕ THỊ THANH VƯƠNG	02/01/2007	Nữ		2	406	QLTDTT	T01	Toán	9.0	Ngữ Văn	8.9	19.5	0.08	37.48	1
1364	2553010103	TDS.01.3375	LÊ THUÝ VY	29/11/2007	Nữ		2NT	406	QLTDTT	T04	Toán	8.3	Vật lí	7.5	11.5	0.50	27.80	1
1365	2553010104	TDS.01.3393	TRẦN THỊ HẠ VY	15/11/2007	Nữ		2	406	QLTDTT	T01	Toán	5.5	Ngữ Văn	7.8	13	0.25	26.55	4
1366	2550010001	TDS.01.0004	ĐỖ NGUYỄN PHÚC AN	29/11/2006	Nam		3	406	YSHTDTT	T06	Toán	8.8	Địa lí	7.6	12.5	0.00	28.90	2
1367	2550010002	TDS.01.0016	NGUYỄN BẢO TÂM AN	20/10/2007	Nữ		1	406	YSHTDTT	T04	Toán	7.0	Vật lí	9.1	17.5	0.52	34.12	1
1368	2550010003	TDS.01.0123	ĐỖ PHẠM HOÀNG ÂN	01/01/2003	Nam		3	406	YSHTDTT	T00	Toán	8.2	Sinh học	7.7	15	0.00	30.90	1
1369	2550010004	TDS.01.0065	LÊ THỌ DUY ANH	03/03/2006	Nam		2NT	406	YSHTDTT	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.7	17	0.50	31.50	2
1370	2550010005	TDS.01.0093	NGUYỄN TRẦN LAN ANH	23/10/2007	Nữ		2	406	YSHTDTT	T01	Toán	7.5	Ngữ Văn	7.2	17.5	0.22	32.42	1
1371	2550010006	TDS.01.0151	HỒ NGỌC GIA BẢO	03/11/2007	Nam		2NT	406	YSHTDTT	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.7	20	0.19	37.39	1
1372	2550010007	TDS.01.0154	HUỖNH HIẾU BẢO	28/11/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.6	16.5	0.16	33.56	1
1373	2550010008	TDS.01.0403	VŨ QUANG DŨNG	12/12/2004	Nam		3	406	YSHTDTT	T00	Toán	9.4	Sinh học	9.2	13.5	0.00	32.10	1
1374	2550010009	TDS.01.0480	LÊ KIM ĐƯỢC	25/07/2007	Nam		3	406	YSHTDTT	T06	Toán	9.7	Địa lí	9.7	20	0.00	39.40	1
1375	2550010010	TDS.01.0711	VŨ ĐÌNH GIẢNG	27/11/2007	Nam		3	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	8.2	14.5	0.00	28.80	1
1376	2550010011	TDS.01.0714	LÊ THỊ HỒNG HÀ	21/08/2007	Nữ		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	5.6	Sinh học	7.5	17	0.25	30.35	1
1377	2550010012	TDS.01.0715	NGUYỄN PHAN HỒNG HÀ	27/02/2007	Nữ		3	406	YSHTDTT	T01	Toán	8.2	Ngữ Văn	8.1	12	0.00	28.30	1
1378	2550010013	TDS.01.3477	LÊ XUÂN HẢI	02/09/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T04	Toán	5.3	Vật lí	7.0	19	0.25	31.55	1
1379	2550010014	TDS.01.0739	LÊ PHÚC HÀO	27/06/2006	Nam		1	406	YSHTDTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	8.0	20	0.45	35.95	1
1380	2550010015	TDS.01.0925	TẠ HUY HOÀNG	22/03/2006	Nam		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	7.1	Sinh học	7.7	14.5	0.25	29.55	1
1381	2550010016	TDS.01.0952	PHẠM KHÁNH HUÂN	02/08/2007	Nam		2NT	406	YSHTDTT	T04	Toán	7.6	Vật lí	7.3	16.5	0.46	31.86	2
1382	2550010017	TDS.01.1274	ĐẶNG TUẤN KHANG	31/07/2007	Nam		3	406	YSHTDTT	T01	Toán	7.9	Ngữ Văn	8.1	11.5	0.00	27.50	1
1383	2550010018	TDS.01.1220	PHẠM VĂN KIẾT	15/03/2006	Nam		2NT	406	YSHTDTT	T04	Toán	8.4	Vật lí	8.6	18	0.27	35.27	3
1384	2550010019	TDS.01.1232	VÕ VĂN KIẾT	25/01/2007	Nam		1	406	YSHTDTT	T04	Toán	6.3	Vật lí	8.0	13.5	0.75	28.55	1
1385	2550010020	TDS.01.1500	LÊ THỊ LAM LAM	13/10/2007	Nữ		3	406	YSHTDTT	T01	Toán	7.7	Ngữ Văn	8.4	20	0.00	36.10	1
1386	2550010021	TDS.01.1543	HÀ NHẬT LINH	13/01/2007	Nam		1	406	YSHTDTT	T00	Toán	7.6	Sinh học	9.0	17.5	0.47	34.57	1
1387	2550010022	TDS.01.1560	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	03/05/2007	Nữ		3	406	YSHTDTT	T01	Toán	5.9	Ngữ Văn	7.1	17.5	0.00	30.50	1
1388	2550010023	TDS.01.1568	ĐOÀN THÀNH LONG	22/07/2007	Nam		1	406	YSHTDTT	T00	Toán	8.4	Sinh học	9.1	17.5	0.38	35.38	1
1389	2550010024	TDS.01.1600	TRẦN HOÀNG LONG	17/09/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T04	Toán	6.2	Vật lí	9.3	14	0.25	29.75	1
1390	2550010025	TDS.01.1675	ĐỖ XUÂN MAI	05/03/2007	Nữ		2NT	406	YSHTDTT	T04	Toán	6.2	Vật lí	7.9	17	0.49	31.59	1

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1391	2550010026	TDS.01.1717	NGUYỄN BÌNH MINH	27/09/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.4	17	0.17	33.67	2
1392	2550010027	TDS.01.1780	NGUYỄN THÀNH NAM	11/09/2007	Nam		1	406	YSHTDTT	T01	Toán	6.9	Ngữ Văn	7.6	18.5	0.63	33.63	1
1393	2550010028	TDS.01.1811	LÊ MINH NGÀ	23/02/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T06	Toán	8.5	Địa lí	9.1	15	0.16	32.76	1
1394	2550010029	TDS.01.1821	LƯƠNG NGUYỄN THANH NGÂN	22/11/2007	Nữ		2	406	YSHTDTT	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.5	12	0.25	28.55	4
1395	2550010030	TDS.01.1878	NGUYỄN KIM BẢO NGỌC	05/11/2007	Nữ		2NT	406	YSHTDTT	T00	Toán	5.1	Sinh học	7.9	20	0.47	33.47	1
1396	2550010031	TDS.01.1960	NGUYỄN CHÍ NHÂN	28/05/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.5	Sinh học	7.5	18.5	0.23	32.73	1
1397	2550010032	TDS.01.1979	TRỊNH TRÍ NHÂN	18/09/2007	Nam	01	1	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	9.0	14.5	2.51	32.91	1
1398	2550010033	TDS.01.1991	NGUYỄN LONG NHẬT	17/03/2006	Nam		1	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	8.2	13	0.75	28.65	1
1399	2550010034	TDS.01.2239	NGUYỄN CHÍ PHÚC	28/05/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	7.8	Sinh học	8.2	18.5	0.16	34.66	1
1400	2550010035	TDS.01.2280	NGUYỄN ANH PHƯỚC	25/02/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T01	Toán	5.6	Ngữ Văn	6.9	15	0.25	27.75	2
1401	2550010036	TDS.01.2462	LÊ VĂN SÂM	02/09/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.7	16.5	0.19	32.69	1
1402	2550010037	TDS.01.2459	TRẦN PHÚC SÁNG	15/12/2007	Nam	01	1	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.1	Sinh học	7.7	16	2.75	32.55	1
1403	2550010038	TDS.01.2490	PHAN VŨ HOÀNG SƠN	23/03/2007	Nam		2NT	406	YSHTDTT	T00	Toán	8.5	Sinh học	9.2	18.5	0.20	36.40	1
1404	2550010039	TDS.01.2533	NGUYỄN TẤN TÀI	27/04/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.0	16	0.24	31.14	1
1405	2550010040	TDS.01.2536	NGUYỄN TRỌNG THÀNH TÀI	31/05/2005	Nam		3	406	YSHTDTT	T01	Toán	6.8	Ngữ Văn	8.6	18	0.00	33.40	1
1406	2550010041	TDS.01.2846	HUỲNH PHÚC THÀNH	16/03/2007	Nam		3	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	9.1	18	0.00	33.90	3
1407	2550010042	TDS.01.2959	ĐOÀN BÁ THỊNH	10/02/2007	Nam		3	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.4	18.5	0.00	32.70	2
1408	2550010043	TDS.01.2963	HUỲNH MINH QUỐC THỊNH	06/04/2007	Nam		1	406	YSHTDTT	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.3	17	0.59	33.19	2
1409	2550010044	TDS.01.2991	PHẠM PHÚ THỊNH	18/12/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.9	Sinh học	9.4	15	0.21	31.51	1
1410	2550010045	TDS.01.2992	PHAN LÊ QUỐC THỊNH	10/12/2006	Nam		2	406	YSHTDTT	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.3	17	0.21	32.31	1
1411	2550010046	TDS.01.3004	NGUYỄN ĐOÀN ĐỒNG THỌ	21/12/2007	Nam		2NT	406	YSHTDTT	T00	Toán	8.0	Sinh học	9.6	14	0.36	31.96	6
1412	2550010047	TDS.01.3019	TRẦN ANH THU	26/09/2006	Nữ		3	406	YSHTDTT	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.1	11.5	0.00	27.10	1
1413	2550010048	TDS.01.3059	HUỲNH TRẦN ANH THƯ	04/05/2005	Nữ		3	406	YSHTDTT	T06	Toán	8.9	Địa lí	9.1	10.5	0.00	28.50	1
1414	2550010049	TDS.01.3092	NGUYỄN THỊ BẢO THY	23/10/2007	Nữ		2NT	406	YSHTDTT	T00	Toán	6.7	Sinh học	8.6	14.5	0.50	30.30	1
1415	2550010050	TDS.01.2685	VÕ THÁI TOÀN	22/12/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	7.5	Sinh học	8.0	16	0.22	31.72	1
1416	2550010051	TDS.01.2688	TẠ TIẾN TÔN	07/05/2007	Nam		2NT	406	YSHTDTT	T06	Toán	7.1	Địa lí	7.7	18	0.41	33.21	2
1417	2550010052	TDS.01.3106	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	08/09/2007	Nữ		2NT	406	YSHTDTT	T00	Toán	7.3	Sinh học	8.0	12.5	0.50	28.30	1
1418	2550010053	TDS.01.3163	TRẦN MINH TRÍ	31/10/2007	Nam		3	406	YSHTDTT	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.8	17	0.00	34.30	3
1419	2550010054	TDS.01.3188	VÕ MAI BẢO TRINH	22/08/2007	Nữ		2NT	406	YSHTDTT	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.2	14.5	0.42	31.32	1
1420	2550010055	TDS.01.3234	CAO THANH TRƯỜNG	22/03/2007	Nam		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	8.9	Sinh học	8.0	15.5	0.18	32.58	1
1421	2550010056	TDS.01.3276	DƯƠNG THUÝ VI	29/05/2007	Nữ		1	406	YSHTDTT	T00	Toán	9.8	Sinh học	9.4	14	0.38	33.58	10

THA
ÔNG
HOC
THỂ T
NH PHC
CHÍ MUI

TS

STT	MSSV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	PT xét tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	Nguyên vọng trúng tuyển
1422	2550010057	TDS.01.3367	ĐẶNG LÊ NHẬT VY	16/07/2007	Nữ		3	406	YSHTDTT	T00	Toán	5.7	Sinh học	9.1	15.5	0.00	30.30	1
1423	2550010058	TDS.01.3389	TẠ NGỌC VY	19/04/2007	Nữ		2	406	YSHTDTT	T00	Toán	4.7	Sinh học	7.4	17	0.25	29.35	1

Tổng số: 1423 thí sinh./.


